

CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM



**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
CỦA NHÀ MÁY HÓA CHẤT NGÀNH GIẤY
CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1226/22-QĐ/SPMCV ngày 26 / 12 /2022)



Bà Rịa – Vũng Tàu, 12

CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM



KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ MÁY HÓA CHẤT NGÀNH GIẤY CÔNG TY SEIKO PMC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1226/22-QĐ/SPMCV ngày 26 / 12 /2022)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



KAWASUMI KOICHI

Tổng giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, 12/2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	3
DANH MỤC HÌNH	4
CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
MỞ ĐẦU	6
1. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN/CƠ SỞ.....	6
2. KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG Ở CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM ĐƯỢC LẬP VỚI CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU	6
3. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	7
3.1. Luật.....	7
3.2. Nghị định	7
3.3. Thông tư	8
3.4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.....	8
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM.....	9
1.1. QUY MÔ ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH: CÔNG SUẤT, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG, ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.	9
1.2. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT, THUYẾT MINH CHI TIẾT CÁC CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT, SỬ DỤNG, VẬN CHUYỂN, LƯU TRỮ HÓA CHẤT	10
1.2.1. Chất tăng độ bền khô cho giấy	10
1.2.2. Tác nhân gia keo bằng nhựa thông.....	12
CHƯƠNG 2: KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	14
2.1. XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG.....	14
2.2. DỰ BÁO CÁC TÌNH HUỐNG SỰ CỐ CÓ THỂ XẢY RA.....	16
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	19
3.1 BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU, LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN GÂY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	19
3.1.2. Khu vực kho hóa chất nguyên liệu, thành phẩm, khu vực chứa chất thải nguy hại	19
3.1.3 Khu vực trạm đầu nối và đường ống dẫn CNG:	19
3.1.4. Khu vực sản xuất hóa chất:	19
3.1.5. Khu lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị:	19
3.1.6. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi địa giới của KCN	20

3.1.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với Trạm XLNT	20
3.1.8. Phương án phòng ngừa sự cố nước thải tại Trạm xử lý nước thải	21
3.1.9. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải	26
3.2. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC (NHÂN LỰC, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ, TÀI CHÍNH) CỦA CƠ SỞ ĐỂ SẴN SÀNG ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	27
3.2.1. Danh sách nhân sự ứng phó sự cố	27
3.2.2. Danh sách vật tư trang thiết bị ứng phó sự cố	27
3.3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP VỀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CHO LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TẠI CHỖ	28
3.3.1. Kế hoạch huấn luyện	28
3.3.2. Kế hoạch diễn tập định kỳ	29
3.4. PHƯƠNG THỨC THÔNG BÁO, BÁO ĐỘNG KHI XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC, TRANG THIẾT BỊ ĐỂ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	30
3.4.1. Phương thức huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường	30
3.4.2. Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường	39
3.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 125 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	41
PHỤ LỤC	44

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3. 1. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó đối với các tình huống đã dự báo tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam	30
Bảng 3. 2: Danh bạ liên lạc với các cơ quan bên ngoài	40

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1: Công nghệ sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy	10
Hình 1. 2: Công nghệ sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông	12
Hình 3. 1: Sơ đồ ứng phó sự cố tại Trạm XLNT.....	22

CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

ATMT	Phòng An toàn Môi trường
ATVSLĐ	An toàn Vệ sinh Lao động
CNCH	Cứu nạn cứu hộ
CTNH	Chất thải nguy hại
KCNCS	Khu Công nghiệp Chuyên sâu
KT	Bộ phận Tổng vụ
KTSX	Phòng Kỹ thuật Sản xuất
MSDS	Phiếu An toàn Hóa chất
NLĐ	Người lao động
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
STT	Số thứ tự
TCHC	Phòng Tổ chức Hành chính
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
THKC	Tình huống khẩn cấp
TNSC	Tai nạn sự cố
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban Nhân dân
ƯCKC	Ứng cứu khẩn cấp

MỞ ĐẦU

1. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN/CƠ SỞ

Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta nói chung và ngành công nghiệp giấy nói riêng liên tục phát triển. Với lý do đó, Tập đoàn Seiko PMC (Nhật Bản) với hơn 50 năm kinh nghiệm tại Nhật Bản đã quyết định đầu tư vào Việt Nam và thành lập Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam. Tập đoàn Seiko PMC (Nhật Bản) mang đến công nghệ tiên tiến, chuyên môn và bí quyết được tích lũy để sản xuất những sản phẩm chất lượng cao. Qua đó góp phần cải thiện chất lượng giấy và giấy bao bì, tăng năng suất của ngành công nghiệp sản xuất giấy tại Việt Nam và tiết kiệm nguồn tài nguyên.

Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam xây dựng Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam tại KCNCS Phú Mỹ 3, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với mục đích sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất ngành giấy và các loại sản phẩm hóa chất khác có liên quan tại Việt Nam, công suất 30.000 tấn/năm (trong đó chất tăng độ bền khô cho giấy: 18.000 tấn/năm; tác nhân gia keo bằng nhựa thông cho giấy: 12.000 tấn/năm).

Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp: 3502414641.

Người đại diện: Ông KAWASUMI KOICHI; Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Chức năng, nhiệm vụ chính của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam là sản xuất hóa chất hỗ trợ cho ngành công nghiệp giấy – chất làm tăng độ bền giấy. Việc sử dụng hóa chất polymer acrylic trong sản xuất giấy bằng nguyên liệu tái chế sẽ mang lại những ưu điểm, góp phần làm giảm tác động lên môi trường.

2. KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG Ở CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM ĐƯỢC LẬP VỚI CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU

- Đánh giá một cách khoa học và chính xác các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam. Các sự cố được xác lập trên cơ sở khảo sát, điều tra hiện trạng thực tế, phân tích và dự báo các sự cố có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.
- Đề xuất các phương án loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố, các biện pháp phòng ngừa và các biện pháp xử lý đối với từng sự cố môi trường.
- Đảm bảo sẵn sàng và ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố môi trường nhằm giảm tới mức thấp nhất thiệt hại đối với môi trường và cộng đồng, cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Từng bước xây dựng lực lượng làm nòng cốt và nâng cao năng lực ứng cứu sự cố môi trường xảy ra tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.
- Với mục tiêu chính như trên, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam gồm các nội dung chính sau:
 - 1 Khái quát về Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.
 - 2 Dự báo, xác định và đánh giá những nguy cơ (rủi ro) xảy ra sự cố môi trường.
 - 3 Phương án, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường.
 - 4 Kế hoạch ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.
 - 5 Biện pháp khắc phục ô nhiễm sau khi xảy ra sự cố môi trường.
 - 6 Kết luận.

3. CƠ SỞ PHÁP LÝ

3.1. Luật

- Luật Bảo vệ Môi trường 72/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;
- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;
- Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

3.2. Nghị định

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 1 năm 2015 về Xác định thiệt hại đối với môi trường;
- Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 Quy định về công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy;

3.3. Thông tư

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;
- Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy;
- Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công An quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;
- Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

3.4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng

- QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- QCVN 20: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 3254:1989 An toàn cháy – Yêu cầu chung;
- TCVN 3255:1986 An toàn nổ – Yêu cầu chung;
- TCVN 3890:2009 Phương tiện PCCC cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.
- QCVN 05A:2020 Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong Sản xuất, Kinh doanh, Sử dụng, Bảo quản và Vận chuyển Hóa chất Nguy hiểm.
- Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM**1.1. QUY MÔ ĐẦU TƯ, SẢN XUẤT, KINH DOANH: CÔNG SUẤT, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG, ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.**

- Tên cơ sở: Nhà máy hóa chất ngành giấy Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.
- Địa điểm: Lô D4 đường N2, khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
- Công suất sản xuất của nhà máy: 30.000 tấn/năm. Sản phẩm của dự án như sau:
 - ❖ Chất tăng độ bền khô cho giấy: 18.000 tấn/năm
 - ❖ Tác nhân gia keo bằng nhựa thông: 12.000 tấn/năm
- Sản phẩm: Chất tăng độ bền khô cho giấy: là hóa chất gốc polyacrylamide có tác dụng giúp cải thiện độ bền của giấy/bìa. Mặc dù nhiều nhà máy giấy ở Đông Nam Á thường sử dụng tinh bột làm chất tăng độ bền giấy, tuy nhiên chất tăng độ bền giấy của công ty chúng tôi dựa trên gốc polyacrylamide có khả năng làm tăng độ bền cho giấy hơn so với sử dụng tinh bột và thân thiện với môi trường hơn vì giảm lượng nước thải thoát ra so với sử dụng tinh bột.
- Diện tích nhà máy: 30.000 m².

Bảng 1. 1: Các công trình xây dựng tại Nhà máy

STT	Công trình	Diện tích (m ²)
I. Hạng mục công trình chính		
1	Nhà văn phòng	783
2	Nhà xưởng sản xuất	750,16 (F1) +733,44 x 2
3	Nhà điều hành	51
4	Nhà nấu chảy nhựa thông	97,75
II. Hạng mục công trình phụ trợ		
5	Nhà cấp điện cho sản xuất	65,88
6	Khu chứa lò hơi	130
7	Phòng điện và máy phát điện	185,7
8	Nhà máy nén khí	40
9	Trạm XLNT	100,97
10	Nhà năng lượng và vệ sinh	74,2
11	Khu xử lý nước sạch	229,2
12	Kho nguyên liệu	400
13	Khu vực tập kết nhựa thông	627
14	Kho chứa hóa chất nguy hiểm	152
15	Kho thành phẩm	300
16	Nhà đặt bơm cứu hỏa	70
17	Kho chứa chất thải	210

đoàn của Seiko PMC. Hệ thống DCS kiểm soát và giám sát áp suất, tốc độ dòng chất lỏng, nhiệt độ phản ứng, v.v. ngoài việc xác nhận trực quan bởi nhân viên vận hành. Bằng cách đó, việc kiểm soát phản ứng hóa học được thực hiện một cách chính xác hơn và mọi bất thường đều có thể được phát hiện sớm.

Sau khi làm đầy lò phản ứng bằng khí nitơ (để loại bỏ O₂, cản trở quá trình trùng hợp gốc. Khí Nitơ không phải là nguyên liệu thô của dự án), lò phản ứng được nạp dung dịch 2-Propenamide, axit itaconic, dimethylaminoethyl methacrylate, N- (2-Acryloyl (hoặc Methacryloyl) oxyethyl) -N-benzyl-N, N-dimethylammonium Chloride (※1 Bảng 1.5), nước khử ion, axit sunfuric và một số chất phụ gia. Các đơn phân dưới dạng chất lỏng hoặc dung dịch được chuyển bằng đường ống dẫn từ bể chứa. Vật liệu rắn được thêm vào trực tiếp từ các hồ nằm trên đỉnh lò phản ứng.

Sau khi dung dịch được đun nóng đến 70°C thông qua lớp vỏ ngoài lò phản ứng phủ hơi nước, chất khởi đầu trùng hợp gốc (Ammonium Persulfate) được thêm vào. Quá trình phản ứng tỏa nhiệt. Nhiệt độ được kiểm soát để giữ dưới 95°C bởi lõi cuộn bên trong với nước làm mát. Tiến hành phân tích các mẫu trong quá trình phản ứng xảy ra. Sau khi tính chất vật lý của dung dịch polymer đạt yêu cầu, ngay lập tức kết thúc phản ứng và làm lạnh dung dịch đến 55°C. Dung dịch sản phẩm cuối cùng được chuyển vào bể chứa thông qua thiết bị lọc để tách tạp chất. Số lượng tạp chất dạng gel phát sinh tại nhà máy ở Nhật Bản hoặc Trung Quốc là rất hạn chế. Do đó, tồn thất đến quá trình sản xuất là rất ít hoặc không có.

Khí bay hơi từ lò phản ứng được thu gom và thu hồi về lại lò phản ứng bằng tháp ngưng tụ #1 ở phía trên lò phản ứng. Trong tháp ngưng tụ, khí được làm lạnh bằng nước lạnh lưu thông liên tục trong ống mỏng và được ngưng tụ thành chất lỏng, sau đó quay trở lại bình phản ứng. Bằng hệ thống này, tất cả các nguyên liệu được giữ trong lò phản ứng và không thải ra môi trường. Khí không ngưng được xả bằng tháp rửa khí #1, do đó sẽ chỉ có ít hoặc không có lượng khí thoát ra môi trường xung quanh. Nước thải từ tháp rửa khí #1 được thu gom xử lý tại HTXLNT của nhà máy cho đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nối, sau đó được dẫn về Trạm XLNT của KCN Phú Mỹ 3 để tiếp tục xử lý.

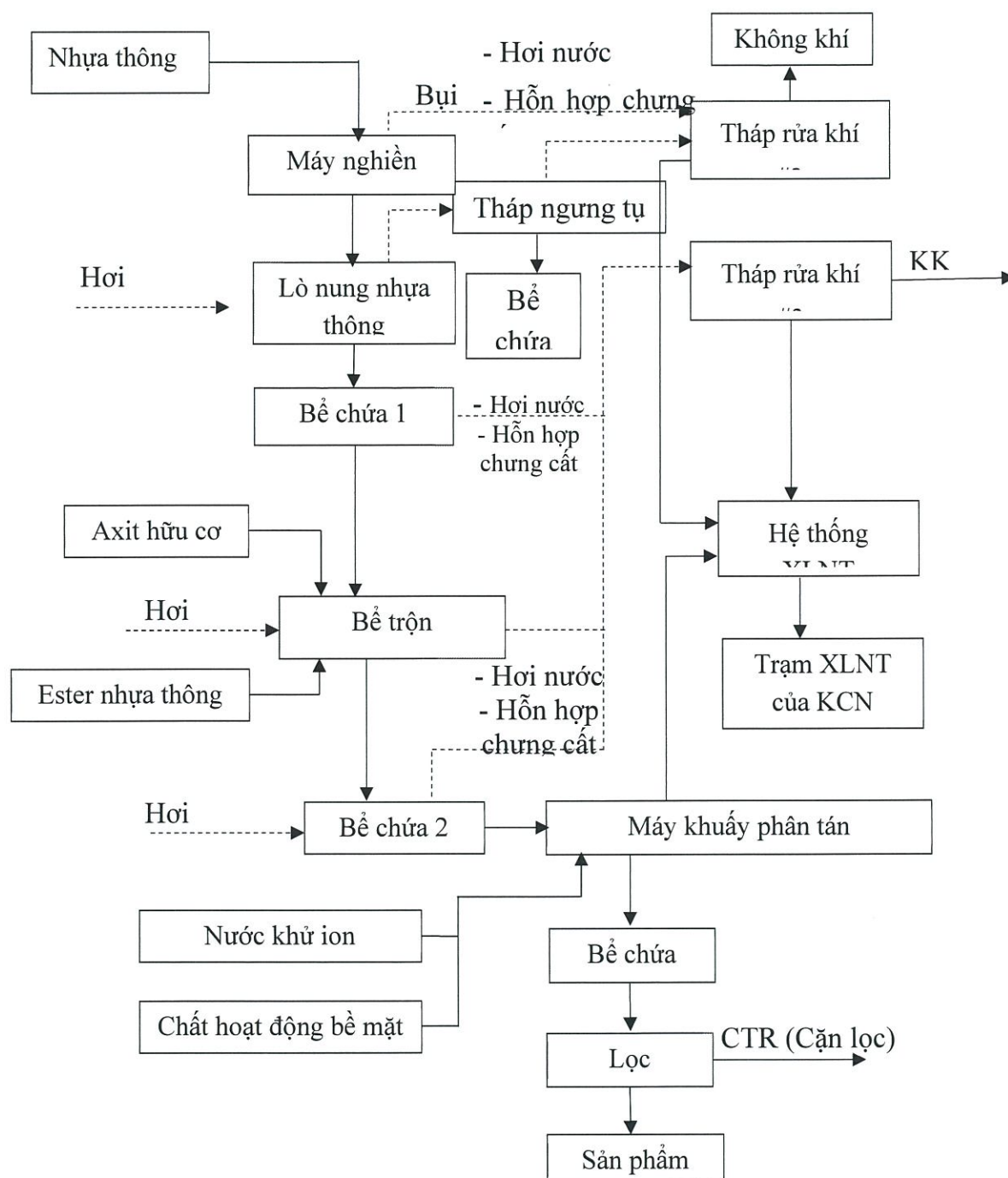
Lò phản ứng được rửa hai lần bằng máy làm sạch nước tự động. Lượng nước rửa lần đầu được tích tụ vào bể chứa nước rửa để tái chế dưới dạng nước điều chỉnh cho quy trình sản xuất tiếp theo. Nước rửa lần hai được thu gom xử lý tại HTXLNT của nhà máy cho đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nối, sau đó được dẫn về Trạm XLNT của KCNCS Phú Mỹ 3 để tiếp tục xử lý.

Lò phản ứng được rửa trong 3 tiếng bằng nước kiềm (0,4% NaOH) định kỳ vào cuối mỗi tuần. Nước kiềm đã qua sử dụng, có chứa cặn lọc dạng gel trong lò phản ứng, được trung hòa bằng axit sulfuric. Sau khi nước trung hòa được lấy ra khỏi lò phản ứng, tiến hành rửa lò phản ứng bằng nước nóng. Nước trung hòa (30m³/1 lần) và nước rửa (30m³/1 lần) đã qua sử dụng được thu gom xử lý tại HTXLNT của nhà máy cho đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nối, sau đó được dẫn về Trạm XLNT của KCN Phú Mỹ 3 để tiếp tục xử lý.

Chất chống tạo bọt R1-450/AIRSizer DF-104/R1-300 SURFACTANT được sử dụng làm chất chống tạo hình để điều chỉnh quá trình tạo hình trong quá trình sản xuất. NEOSINTOL BC-46E/NEOSINTOL BC-560 được sử dụng làm chất bảo quản.

1.2.2. Tác nhân gia keo bằng nhựa thông

- Công nghệ sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông cho giấy được trình bày trong Hình 1.2.



Hình 1. 2: Công nghệ sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông

Tất cả các quá trình đều được kiểm soát bằng hệ thống DCS (Hệ thống điều khiển phân tán).

Nhựa thông (trong thùng chứa) sau khi được nghiền trong máy nghiền được nấu chảy trong lò nấu. Bụi được tạo ra từ máy nghiền được thu gom bằng chụp hút và sau đó được xử lý bằng tháp rửa khí #2. Khí từ lò nung được thu gom và thu hồi về lại lò nung bằng tháp ngưng tụ #2 ở phía trên của lò nung. Khí không ngưng tụ được xử lý tại tháp rửa khí #2, do đó sẽ chỉ có ít hoặc không có lượng bụi và khí thoát ra môi trường xung quanh trong quá trình này.

Nước thải từ tháp rửa khí #2 được thu gom xử lý tại HTXLNT của nhà máy cho đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN, sau đó được dẫn về Trạm XLNT của KCNCS Phú Mỹ 3 để tiếp tục xử lý...

Nhựa thông nóng chảy được cho vào Bể chứa 1 để kiểm tra mức độ tan chảy của nhựa thông trước khi chuyển đến bể trộn. Khi nhiệt độ của nhựa thông đạt 190°C, maleic anhydride và axit fumaric được thêm vào. Hỗn hợp sau đó được nâng nhiệt độ lên 200°C và giữ trong 3 giờ để thực hiện phản ứng để tạo ra nhựa thông gia cố thêm Axit fumaric (hoặc axit maleic).

Khí từ bể chứa 1 và bể trộn được thu gom và xử lý bằng tháp rửa khí #3, do đó sẽ chỉ có ít hoặc không có lượng khí thải vào môi trường trong quá trình này. Nước thải từ tháp rửa khí #3 được thu gom xử lý tại HTXLNT của nhà máy cho đến khi đạt tiêu chuẩn đầu nối, sau đó được dẫn về Trạm XLNT của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 để tiếp tục xử lý.

Ester nhựa thông được cho vào bể trộn và được trộn với nhựa thông gia cố thêm axit Fumaric (hoặc axit maleic). Sau khi trộn, hỗn hợp này sẽ được chuyển sang bể chứa 2.

Hỗn hợp chất hoạt động bề mặt và nước khử ion, và hỗn hợp nhựa thông nóng chảy được chuyển từ bể chứa 2 liên tục được đưa vào máy khuấy phân tán và nhũ hóa quay loại cắt cao và được nhũ hóa để tạo ra tác nhân gia keo bằng nhựa thông.

Nước trao đổi ion được thêm vào nhũ tương nhựa thông nhằm điều chỉnh hàm lượng chất rắn để thu được sản phẩm nhũ tương nhựa thông.

Silicone chống tạo bọt X-50-1041/KM-72S (Silicone Antifoam) được sử dụng làm chất chống tạo hình để điều chỉnh hình thành trong quá trình sản xuất. NEOSINTOL BC-462/SINTOL MT/NEOSINTOL BC-431 được sử dụng làm chất bảo quản.

CHƯƠNG 2: KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

2.1. XÁC ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Công ty sản xuất hóa chất hỗ trợ cho ngành công nghiệp giấy – chất làm tăng độ bền giấy. Do đó, lượng hóa chất sử dụng làm nguyên liệu, hóa chất trung gian và thành phẩm là tương đối lớn. Những nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty có thể chia thành các nhóm sự cố như sau:

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Khu vực có nguy cơ	Phạm vi có thể ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
I	Dự báo sự cố môi trường xảy ra trong khuôn viên Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam			
1.	Sự cố cháy nổ	- Khu vực kho hóa chất nguyên liệu, thành phẩm, khu vực chứa chất thải nguy hại - Khu vực trạm nổi và đường ống CNG	Khuôn viên nhà máy và các nhà máy lân cận.	Thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.
2.	Sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên, nhiên liệu, hóa chất	- Khu vực kho hóa chất nguyên liệu, thành phẩm, khu vực chứa chất thải nguy hại	Khuôn viên nhà máy và các nhà máy lân cận.	Thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.
3.	Sự cố liên quan đến quá trình vận hành các công trình bảo vệ môi trường			
4.	Sự cố hay xả thải khí thải vượt quy chuẩn cho phép và khi ngừng hoạt động.	Khu vực 3 tháp rửa khí.	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận, KDC lân cận	Ô nhiễm môi trường không khí xung quanh
5.	Sự cố hay xả thải nước thải vượt giới hạn tiếp	Khu vực xử lý nước thải	Khuôn viên nhà máy, các nhà	Ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Khu vực có nguy cơ	Phạm vi có thể ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
	nhận của KCN		máy lân cận, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN	của KCN, ô nhiễm môi trường xung quanh.
6.	Sự cố liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, nước thải	Khu vực nước mưa chảy tràn	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, môi trường xung quanh	ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, ô nhiễm môi trường xung quanh.
7.	Sự cố liên quan đến kho lưu giữ chất thải rắn	Kho chứa chất thải	Khuôn viên nhà máy, các nhà máy lân cận.	Ô nhiễm môi trường
II	Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi địa giới của KCN (bên ngoài các nhà máy)			
1.	Sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên, nhiên liệu, hóa chất và chất thải trong khi tham gia giao thông đối với các phương tiện vận chuyển.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra	Tuyến đường nội bộ của KCN	Đổ tràn nguyên, nhiên liệu, hóa chất gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường
2.	Sự cố nước thải xâm nhập vào nước mưa và ngược lại.	Mức độ thấp, hoặc ít khi xảy ra.	Hệ thống xử lý nước thải, môi trường xung quanh.	Gây quá tải đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, gây ô nhiễm môi trường xung quanh.
III	Sự cố môi trường xảy ra tại Nhà máy xử lý nước thải			
1.	Sự cố cháy nổ	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước thải	Gây ảnh hưởng đến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, từ đó gây ảnh hưởng đến môi trường tiếp nhận nước thải
2.	Sự cố rò rỉ, đổ vỡ đường ống hóa chất,	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước	Gây ảnh hưởng đến quá trình vận hành của hệ

Stt	Nhóm sự cố môi trường có thể xảy ra	Khu vực có nguy cơ	Phạm vi có thể ảnh hưởng	Các tác động xấu có thể xảy ra
	đường ống dẫn nước thải.	ra	thải	thống xử lý nước thải
3.	Tai nạn lao động, tai nạn giao thông	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước thải	Sức khỏe, tính mạng của nhân viên và công tác xử lý nước thải
4.	Sự cố máy móc, thiết bị vận hành nhà máy xử lý nước thải	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước thải	Gây ảnh hưởng đến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải
5.	Sự cố chất lượng nước thải tiếp nhận vượt quá giới hạn tiếp nhận của HTXLNT	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước thải	Gây ảnh hưởng đến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.
6.	Sự cố chất lượng nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn xả thải cho phép.	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Nguồn tiếp nhận nước thải	Gây ảnh hưởng đến môi trường nguồn tiếp nhận
7.	Sự cố lưu lượng nước thải tiếp nhận vượt quá khả năng tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải.	Mức độ thấp hoặc ít khi xảy ra	Khuôn viên nhà máy xử lý nước thải	Gây ảnh hưởng đến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải

2.2. DỰ BÁO CÁC TÌNH HUỐNG SỰ CỐ CÓ THỂ XẢY RA

TT	Khu vực có nguy cơ	Điều kiện công nghệ	Số người có mặt	Dự báo tình huống có thể xảy ra
1	Khu vực kho hóa chất nguyên liệu, thành phẩm, khu vực chứa	Điều kiện bảo quản: - Các loại hóa chất được chứa trong các thùng chứa, bao chứa theo đóng gói của nhà sản xuất. - Hóa chất được đặt trên các pallet không tiếp xúc với mặt đất trong kho chứa riêng biệt, mái tôn, tường gạch, nền chống thấm.	3	- Đổ, vỡ bao bì chứa. - Tràn đổ trong quá trình san chiết, nhập/ xuất kho. - Dễ cháy nổ nếu gặp nguồn nhiệt, nguồn lửa.

TT	Khu vực có nguy cơ	Điều kiện công nghệ	Số người có mặt	Dự báo tình huống có thể xảy ra
	chất thải nguy hại	- Có rãnh thu gom hóa chất trong trường hợp rò rỉ, đổ vỡ bao bì. - Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC, Bộ ứng phó sự cố hoá chất. - Đảm bảo đủ điều kiện thông gió tự nhiên. - Trang bị thông tin MSDS tại nơi lưu trữ.		
2	Khu vực trạm nổi và đường ống CNG	Các van khóa, đường ống và mặt bích bằng vật liệu chịu áp lực và chống ăn mòn.	2	Cháy nổ, rò rỉ CNG.
3	Khu vực sản xuất hóa chất	- Các loại hóa chất được sản xuất chủ yếu theo quy trình công nghệ khép kín tự động và bán tự động. Hóa chất khối lượng lớn được sử dụng theo quy trình công nghệ khép kín bán tự động. Hóa chất khối lượng nhỏ được pha chế thủ công, nhưng người lao động phải trang bị bảo hộ phù hợp và sử dụng thiết bị hút và tiếp đất cục bộ để sản xuất an toàn; - Các thiết bị công nghệ luôn được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ; - Việc vận hành công nghệ luôn được theo dõi chặt chẽ và tự động	5	- Đổ, vỡ bao bì chứa. - Tràn đổ trong quá trình sản xuất, nhập/ xuất kho. - Dễ cháy nổ nếu gặp nguồn nhiệt, nguồn lửa.

TT	Khu vực có nguy cơ	Điều kiện công nghệ	Số người có mặt	Dự báo tình huống có thể xảy ra
		bằng các thiết bị hiện đại, với sự theo dõi của con người.		
4	Trạm xử lý nước thải	- Bể điều hòa - Bể điều chỉnh pH - Bể keo tụ, tạo bông - Bể DAF - Bể Anoxic - Bể hiếu khí - Bể lắng - Bồn lọc cát - Bồn lọc than - Bể kiểm chứng	2	- Nước thải sau xử lý vượt tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào NMXLNTTT của KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3. - Chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn xử lý của Trạm XLNT.
5	Hệ thống xử lý khí thải	- Hệ thống xử lý khí thải 1 - Hệ thống xử lý khí thải 2 - Hệ thống xử lý khí thải 3	2	- Lưu lượng dòng khí thấp - Khí thải không đạt tiêu chuẩn phát thải
6	Kho chứa chất thải nguy hại			

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1 BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU, LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN GÂY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1.2. Khu vực kho hóa chất nguyên liệu, thành phẩm, khu vực chứa chất thải nguy hại

- Phân loại, sắp xếp hóa chất theo tính chất đảm bảo hóa chất không phản ứng với nhau gây nguy cơ cháy nổ, phát sinh khí độc khi có sự cố tràn đổ.
- Ban hành nội quy, quy định về PCCC và an toàn hoá chất; quy trình quản lý an toàn hoá chất.
- Kiểm tra, bảo dưỡng ngăn ngừa hệ thống nối đất chống sét và nối đất an toàn thiết bị tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam định kỳ 01 năm.
- Kiểm tra và giám sát chặt chẽ các điều kiện an toàn của các phương tiện và người ra vào kho giao nhận hàng, đảm bảo tuân thủ đúng các nội quy và yêu cầu về an toàn phòng chống cháy nổ.
- Công tác an ninh Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam được chú trọng nhằm ngăn chặn kẻ trộm hoặc những người không có thẩm quyền lạm dụng hóa chất.
- Lắp đặt các bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, các khu vực dễ xảy ra cháy nổ; đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cố;

3.1.3 Khu vực trạm đấu nối và đường ống dẫn CNG:

- Đặt các biển cảnh báo khu vực nguy hiểm để hạn chế người qua lại;
- Thường xuyên kiểm tra để sớm phát hiện ra những nguy cơ có khả năng gây nên sự cố.

3.1.4. Khu vực sản xuất hóa chất:

- Trang bị thiết bị chữa cháy.
- Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng ngăn ngừa hệ thống nối đất chống sét và nối đất an toàn thiết bị tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam định kỳ 01 năm.
- Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ.
- Nhà xưởng được thiết kế với trần cao tạo sự thông thoáng tự nhiên, tránh sự gia tăng nhiệt độ hoặc sự ẩm ướt.

3.1.5. Khu lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị:

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.
- Vật liệu hấp thụ thô sơ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.
- Vật liệu thấm chuyên dụng (absorbent powder/pad) theo hướng dẫn an toàn hóa chất đối với từng loại hóa chất sử dụng.
- Biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009
- Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức cho công nhân viên Công ty.

3.1.6. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi địa giới của Công ty

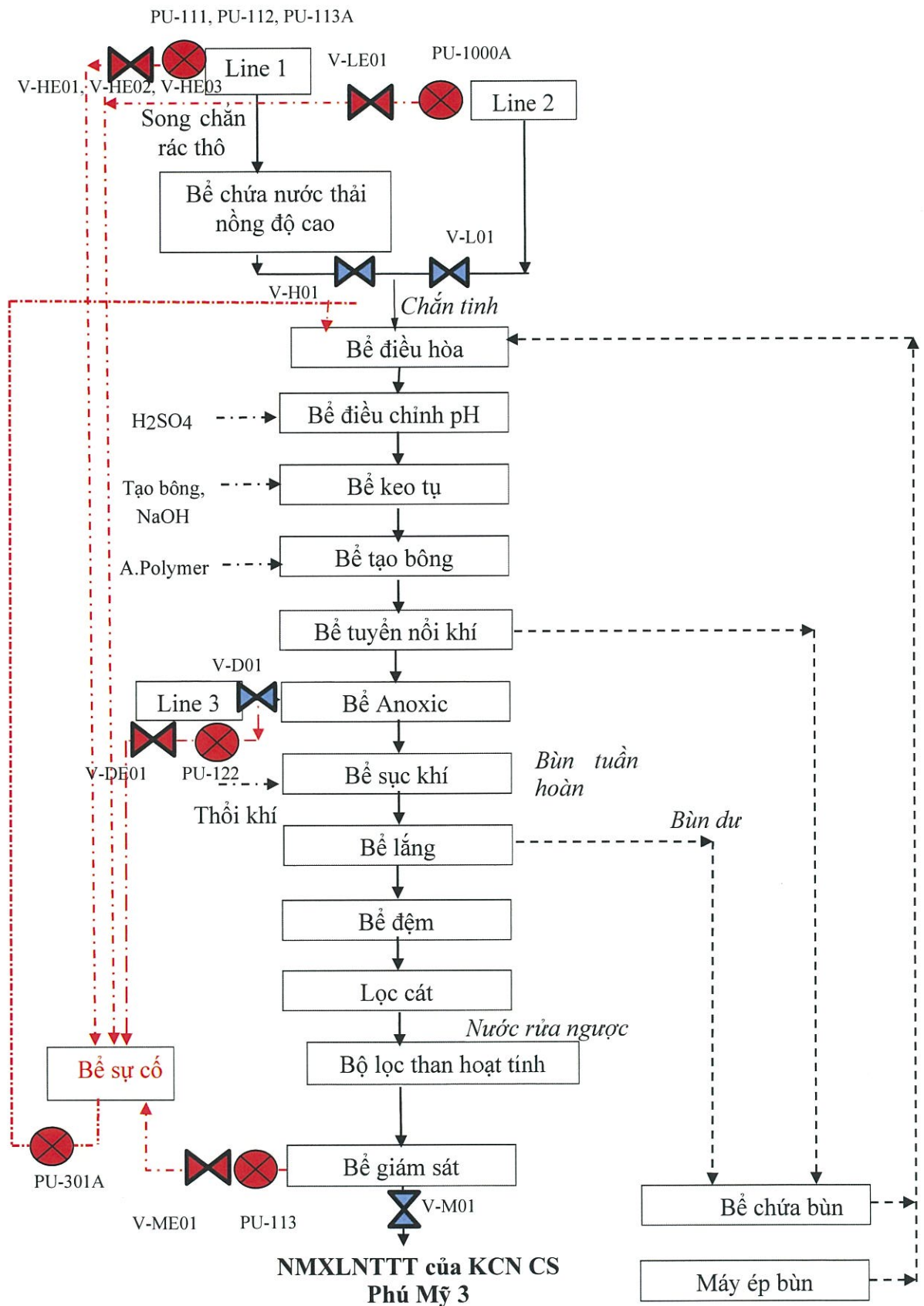
- Xây dựng các tuyến đường nội bộ của công theo dạng bàn cờ.
- Quy định tốc độ tối đa trong Công ty đối với các phương tiện giao thông thông thường là 15km/h. Tốc độ tối đa của xe nâng là 5km/h.
- Xây dựng tuyến cống thoát nước mưa, nước thải tách riêng triệt để, có khoảng cách an toàn giữa các tuyến cống.
- Bố trí các điểm đầu nổi nước mưa, nước thải phía bên ngoài hàng rào của các nhà máy để tiện theo dõi và kiểm soát.
- Thực hiện công tác giám sát môi trường quanh.

3.1.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với Trạm XLNT

- Các công trình xử lý của Trạm XLNT phải được tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn cao để tránh sự cố rò rỉ, vỡ bể xử lý;
- Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép chắc chắn; sử dụng các thiết bị có độ bền cao và chống ăn mòn;
- Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì Trạm XLNT của Nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa;
- Lưu lượng thiết kế cao hơn lưu lượng xả thải tối đa theo tính toán để đảm bảo hệ thống vẫn đáp ứng được khi lưu lượng tăng cao.
- Thông báo cho nhà cung cấp, hoặc cơ quan chức năng về môi trường các thông tin về sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.
 - Tại dự án bố trí bể sự cố (bể khẩn cấp) với các thông số:
 - + Cấu tạo bê tông cốt thép
 - + Thể tích thực: 390m³ (dài: 9m rộng: 8m cao 6m), thể tích chứa nước 350 m³.
 - Các thiết bị sử dụng để ứng phó sự cố
 - + 01 bơm PU-113 và hệ thống đường ống ϕ 80 bơm nước từ quan trắc về bể sự cố.
 - + 03 bơm PU-111, PU-112, PU-113A và hệ thống đường ống ϕ 50 bơm nước thải nồng độ cao về bể sự cố.
 - + 01 bơm PU-100A và hệ thống đường ống ϕ 50bơm nước thải nồng độ thấp về bể sự cố
 - + 01 bơm PU-122 và hệ thống đường ống ϕ 50 bơm nước thải sinh hoạt về bể sự cố.
 - + 01 bơm PU-301 và hệ thống đường ống ϕ 50 bơm nước thải từ bể sự cố về bể điều hòa. (khi hệ thống XLNT đã được khắc phục).

3.1.8. Phương án phòng ngừa sự cố nước thải tại Trạm xử lý nước thải

Trên cơ sở hạn chế tối đa các sự cố có thể xảy ra, dựa trên kinh nghiệm vận hành Trạm XLNT, Công ty luôn lấy phương án phòng ngừa là chính, giúp cho quá trình vận hành hệ thống ổn định, đạt chất lượng theo quy định.



Hình 3. 1: Sơ đồ ứng phó sự cố tại Trạm XLNT

Chú thích

STT	Tên	Diễn giải
1	V-LE01	Van trên đường ống bơm nước thải nồng độ thấp về bể sự cố
2	V-HE01, V-HE02, V-HE03	Van trên đường ống bơm nước thải nồng độ cao về bể sự cố
3	V-DE01	Van trên đường ống bơm nước thải sinh hoạt về bể sự cố
4	V-ME01	Van trên đường ống bơm nước từ bể quan trắc về bể sự cố
5	V-H01	Van trên đường ống bơm nước thải nồng độ cao về bể điều hòa
6	V-L01	Van trên đường ống bơm nước thải nồng độ thấp về bể điều hòa
7	V-D01	Van trên đường ống bơm nước thải sinh hoạt về bể anoxic
8	V-M01	Van trên đường ống kết nối nước thải về NMXLNTTT của KCN
9	PU-100A	Bơm nước thải nồng độ thấp về bể sự cố
10	PU-113	Bơm nước từ bể quan trắc về bể sự cố
11	PU-111, PU-112, PU-113A	Bơm nước thải nồng độ cao về bể sự cố
12	PU-122	Bơm nước thải sinh hoạt về bể sự cố
13	PU-301A	Bơm nước thải từ bể sự cố về bể điều hòa sau khi hệ thống XLNT được khắc phục

a. Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào

Lấy mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa để kiểm tra nồng độ các thông số đầu vào hệ thống theo thiết kế, điều chỉnh lưu lượng dòng nước thải nồng độ cao và nồng độ thấp về bể điều hòa

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	≤ 343
2	COD	mg/l	≤ 2.245
3	s-COD	mg/l	≤ 1.116
4	BOD	mg/l	≤ 96
5	SS	mg/l	≤ 472
6	TN	mg/l	≤ 172

b. Duy trì hoạt động ổn định của máy móc thiết bị Trạm XLNT

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị NMXLNTTT

Để đảm bảo công tác vận hành Trạm XLNT ổn định, Công ty thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị theo kế hoạch hoặc sửa chữa đột xuất hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng, giúp máy móc thiết bị hoạt động ổn định, chính xác và kịp thời phát hiện các hư hỏng. Định kỳ thay thế phụ tùng, vật tư theo hướng dẫn của nhà sản xuất thiết bị.

- Đảm bảo nguồn cung cấp điện
- Điều hòa chất lượng nước thải đầu vào
- Lấy mẫu phân tích tại các công đoạn xử lý

Đối với các thông số cần phân tích, vào mỗi ngày làm việc, nhân viên vận hành tiến hành lấy mẫu nước thải tại đầu vào, đầu ra và tại các công đoạn xử lý: sinh học, lắng hóa lý để phân tích. Căn cứ trên kết quả, nhân viên vận hành xem xét hiệu quả, diễn biến xử lý của từng công đoạn, kịp thời phát hiện bất thường của nước thải đầu vào, của hệ thống xử lý. Thời gian phân tích được thực hiện nhanh trong 2-3 giờ đối với các thông số về bùn trong công đoạn xử lý sinh học như SV, MLSS, MLVSS. Nhân viên vận hành được đào tạo kỹ năng và đủ kinh nghiệm để theo dõi, đánh giá được diễn biến của quá trình xử lý giúp xử lý kịp thời các tình huống bất lợi.

c. Biện pháp ứng phó sự cố nước thải tại Trạm XLNT

Để đảm bảo xử lý nhanh, kịp thời và không bị động khi có sự cố xảy ra, Công ty đã xây dựng các công trình ứng phó sự cố Trạm XLNT và hoàn thiện các kịch bản ứng phó đáp ứng yêu cầu về ứng phó sự cố.

- Đối với sự cố về điện (mất điện lưới đột ngột):

Khi xảy ra mất điện lưới đột xuất, nhân viên vận hành kiểm tra lại các máy móc thiết bị tại máy vi tính điều khiển (trang bị UPS đảm bảo hoạt động 30 phút). Đồng thời sẽ thông báo cho Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và an toàn lao động.

- Đối với sự cố về chất lượng nước thải đầu ra có thông số vượt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải:

Căn cứ vào kết quả lấy mẫu nhanh tại hiện trường, khi phát hiện sự cố, nhân viên vận hành sẽ thông báo cho Trưởng bộ phận an toàn và quản lý chất lượng và thực hiện khóa van (V9) tại đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, không xả nước thải ra hồ ga đầu nổi nước thải và khóa van (V6, V7, V8) phân phối nước thải về hệ thống xử lý và mở van dẫn nước thải (mở V1, V2, V3, V4) về bể sự cố. Với thể tích của bể ứng phó sự cố là 350 m³ sẽ đáp ứng thời gian hơn 01 ngày cho mức độ sự cố này.

Sau khi thực hiện các biện pháp ứng phó khẩn cấp, nhân viên vận hành thông báo ngay cho Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và an toàn lao động về sự cố để chủ trì xử lý và giám sát quá trình thực hiện của các bên theo quy trình phối hợp trong công tác ứng phó sự cố về nước thải.

Tiến hành lấy mẫu hàng loạt tại đầu vào, các công đoạn xử lý gửi phân tích có kết quả trong vòng 1-2 giờ để xác định nguyên nhân.

Cụ thể biện pháp khắc phục như sau:

STT	Hạng mục	Giá trị kiểm soát	Giá trị bất thường	Sự cố		
				Nguyên nhân	Hậu quả	Cách xử lý
1	Cụm xử lý hóa lý					
1.1	pH tại bể điều chỉnh pH	7,0-8,0	<7,0 >8,0	Bơm định lượng H2SO4 (A-100-DP103A/B) đang vận hành với lưu lượng quá cao. Hoặc đầu dò pH A-100-pHIA-T103 đang hiển thị không đúng Bơm định lượng H2SO4 (A-100-DP103A/B) không vận hành được hoặc đang vận hành với lưu lượng quá thấp. Hoặc đầu dò pH A-100 pHIA-T103 đang hiển thị không đúng	- Phản ứng để cân chỉnh pH không thể xảy ra. → Hệ thống không thể xử lý đạt.	- Kiểm tra hoạt động của bơm định lượng A-100-DP103A/B. - Kiểm tra hiển thị của đầu dò pH A-100-pHIA-T103
1.2	pH tại bể keo tụ	7,0-8,0	<7,0 >8,0	Bơm định lượng NaOH (A-100-DP104C/D) không vận hành được hoặc đang vận hành với lưu lượng quá thấp. Hoặc đầu dò pH A-100-pHIA-T104 đang hiển thị không đúng Bơm định lượng NaOH (A-100-DP104C/D) đang vận hành với lưu lượng quá cao. Hoặc đầu dò pH A100-pHIA-T104 đang hiển thị không đún	Phản ứng keo tụ không thể xảy ra. -> Hệ thống không thể xử lý đạt	- Kiểm tra hoạt động của bơm định lượng A-100-DP104A/B. - Kiểm tra hiển thị của đầu dò pH A-100-pHIA-T104
2	Bể tuyển nổi (DAF)					
2.1	Áp suất dòng khí	0,4 ~ 0,5 MPa	<0,4MPa > 0,5MPa	Áp suất của Khí cấp đến (từ Nhà máy) quá thấp.	Hệ thống không thể xử lý đạt	- Kiểm tra với nhà máy.

STT	Hạng mục	Giá trị kiểm soát	Giá trị bất thường	Sự cố		
				Nguyên nhân	Hậu quả	Cách xử lý
				Áp suất của Khí cấp đến (từ Nhà máy) quá cao		- Kiểm tra thiết bị điều áp A-100-PRV-PT10
3	Bể hiếu khí					
3.1	Bùn chết			Chất dinh dưỡng không đủ (F/M thấp) Cấp khí không đủ	Hệ thống không thể xử lý đạt	- Bổ sung dinh dưỡng. - Cân chỉnh tỷ lệ F/M - Điều chỉnh lưu lượng khí để tăng lượng khí cấp.
3.2	Bùn nổi			Khí nitrogen hình thành và trong lớp bùn, bám vào đó và nổi lên kéo theo lớp bùn		Tăng tỷ lệ bùn tuần hoàn và tuần suất rút bùn
3.3	Chỉ số SVI trong bể hiếu khí	80 ~ 120	> 150		Bùn không thể lắng được	Kiểm tra MLSS, SV30, dinh dưỡng, tải lượng BOD để tìm nguyên nhân
3.4	MLSS trong bể hiếu khí	3.500 ~ 4.500	< 2.500 > 5.000	Xả bùn quá nhiều Xả bùn quá nhiều	Tỷ lệ F/M cao Tỷ lệ F/M thấp	Giảm tần suất xả bùn Tăng tần suất xả bùn

Sau khi khắc phục hệ thống sẽ tiến hành mở van (V5) bơm nước về bể điều hòa để xử lý, đồng thời mở các van (V6, V7, V8, V9) khóa các van (V1, V2, V3, V4).

3.1.9. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

- Nhà máy sẽ kiểm tra định kỳ các thiết bị và máy móc của dự án.
- Khi có sự cố xảy ra, các phản ứng sẽ bị tạm ngừng và các dung dịch trong bể phản ứng sẽ được đưa về bể xả đáy trong trường hợp cần thiết. Các hỗn hợp khí sẽ được xử lý bởi tháp rửa khí và không thải ra bên ngoài.
- Nếu máy nghiền thùng nhựa thông vận hành khi thiết bị thu gom bụi không hoạt động, hệ thống cảnh báo sẽ báo động. Vì vậy, hoạt động nghiền thùng chứa nhựa thông luôn được thực hiện trong trạng thái thiết bị thu gom bụi đang hoạt động.
- Khi lưu lượng dòng khí thải quá thấp so với công suất của quạt hút (đo bằng thiết bị quan trắc tự động) sẽ tiến hành rửa hệ thống.
- Tần suất rửa tháp rửa khí:
 - + Tháp rửa khí số 1, 3: 1 lần/tháng
 - + Tháp rửa khí số 2: 2 lần/tháng

3.2. PHƯƠNG ÁN ĐẢM BẢO NGUỒN LỰC (NHÂN LỰC, VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ, TÀI CHÍNH) CỦA CƠ SỞ ĐỂ SẴN SÀNG ỨNG PHÓ, KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.2.1. Danh sách nhân sự ứng ứng phó sự cố

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh	Nhiệm vụ
1	Nobukuni Shigeki	Trường bộ phận an toàn và quản lý chất lượng	Đội trưởng	Quản lý
2	Trần Thanh Hà	Bộ phận an toàn và quản lý chất lượng	Đội viên	Giám sát
3	Vũ Toàn Thiện	Bộ phận an toàn và quản lý chất lượng	Đội Viên	Nhân viên

3.2.2. Danh sách vật tư trang thiết bị ứng phó sự cố

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
1.	Tủ chữa cháy trong nhà	7 bộ	Tốt
2.	Bình chữa cháy (CO2 -3kg)	58 bình	Tốt
3.	Bình chữa cháy (ABC -4kg)	51 bình	Tốt
4.	Tủ chữa cháy ngoài trời	10 bộ	Tốt
5.	Bom chữa cháy	1 bộ	Tốt
6.	Súng phun bột 65A	2 bộ	Tốt
7.	Vòi rửa hóa chất khẩn cấp	5 bộ	Tốt
8.	Hệ thống loa cảnh báo và điều khiển thoát nạn	1 bộ	Tốt
9.	Rìu cứu nạn	1 cái	Tốt
10.	Xà beng	1 cái	Tốt
11.	Búa tạ	1 cái	Tốt
12.	Kìm cộng lực	1 cái	Tốt
13.	Phương tiện liên lạc (điện thoại, bộ đàm)	20 bộ	Tốt

14.	Găng tay	10 đôi	Tốt
15.	Ủng cao su	10 đôi	Tốt
16.	Kính bảo vệ mắt	25 cái	Tốt
17.	Khẩu trang	50 cái	Tốt
18.	Mặt nạ chống độc	25 cái	Tốt
19.	Bao tay	10 đôi	Tốt
20.	Máy bơm	2 cái	Tốt
21.	Xe bồn, thùng chứa	2 cái	Tốt
22.	Bao chứa	50 cái	Tốt
23.	Cát, mùn cưa	10 cái	Tốt
24.	Xẻng xúc	10 cái	Tốt
25.	Chuổi quét	10 cái	Tốt
26.	Giẻ lau	10 cái	Tốt
27.	Bể sự cố	1 bể	Tốt

Ghi chú: Danh mục thiết bị/ vật tư ứng cứu ứng phó trên sẽ được phê duyệt định kỳ hàng năm hoặc cập nhật khi có thay đổi mới.

- Hệ thống bảo vệ, hệ thống dự phòng nhằm cứu hộ, ngăn chặn sự cố, trang bị bảo hộ cho người lao động và lực lượng tham gia ứng cứu cơ sở phù hợp với các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở, dự án.

- Hệ thống báo nguy, hệ thống thông tin nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố khẩn cấp.

* Hệ thống thông tin liên lạc gồm: điện thoại cố định tại các phòng làm việc; điện thoại di động; bộ đàm; còi; hệ thống loa.

* Tại vị trí làm việc đều có bố trí điện thoại có số máy riêng, có dán đồ thông tin liên lạc ứng cứu khẩn cấp của Công ty (Sơ đồ được cập nhật khi có thay đổi).

3.3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP VỀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG CHO LỰC LƯỢNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TẠI CHỖ

3.3.1. Kế hoạch huấn luyện

Các sự cố hóa chất có khả năng xảy ra lớn nhất tại nhà máy là rò rỉ/tràn đổ hóa chất nguy hiểm và sự cố cháy nổ. Vì thế công tác huấn luyện cũng đặc biệt chú ý tới việc phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ/tràn đổ hóa chất cũng như sự cố cháy nổ. Để tăng cường khả năng ứng phó sự cố hóa chất cho nhân viên, Nhà máy hợp tác với các Cơ quan chức năng để tổ chức năng để tổ chức tập huấn an toàn hóa chất cho tất cả cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp với hóa chất để lấy chứng chỉ theo đúng quy định. Nội dung tập huấn gồm:

- Lý thuyết:

- + Tổng quan về sự cố hóa chất;
- + Tác hại từ sự cố hóa chất;
- + Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất;
- + Trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất;
- + Các phương pháp ứng phó sự cố hóa chất.

- Thực tập

- + Thực tập ứng phó sự cố hóa chất cho nhiều cấp độ, tình huống, kể cả biện pháp phối hợp với Chính quyền địa phương, Công an, Bệnh viện, đơn vị ứng cứu theo chương trình/kế hoạch của Nhà máy;
- + Hướng dẫn cho người mới vào làm việc hoặc mới từ nơi khác đến về công tác an toàn hóa chất, công tác PCCC.
- + Quản lý môi trường cho CBCNV có liên quan.
- + Ngoài ra, theo quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nhà máy tổ chức các khóa đào tạo về an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ CBCNV của Nhà máy

3.3.2. Kế hoạch diễn tập định kỳ**- Kế hoạch**

Nhà máy tiến hành lập kế hoạch diễn tập nội bộ ứng phó sự cố hóa chất cho các tình huống như sau:

- + Diễn tập kế hoạch ngăn ngừa khắc phục sự cố cháy nổ: 01 lần/năm
- + Diễn tập kế hoạch ngăn ngừa khắc phục sự cố hóa chất: 01 lần/năm
- + Diễn tập sự cố hệ thống nước thải, khí thải, chất thải nguy hại: 01 lần/năm

Khi diễn tập phải có phương án diễn tập được lãnh đạo Nhà máy phê duyệt bao gồm mô tả tình huống giả định, phương án ứng cứu và xử lý hậu quả hợp rút kinh nghiệm và lưu giữ hồ sơ diễn tập.

Để phù hợp thực tế cũng như khả năng của đơn vị, các tình huống giả định để diễn tập có phối hợp với các cơ quan chức năng như: Cảnh sát PCCC, lãnh đạo địa phương và các lực lượng ứng cứu trong khu vực. Các trường hợp diễn tập này phải được các đơn vị phối hợp thống nhất thông qua nội dung biện pháp thực hiện phương án diễn tập.

- Diễn tập với các tình huống giả định

Dựa vào các nguy cơ sự cố chính của nhà máy như đã liệt kê và phân tích ở trên. Công tác diễn tập với các tình huống giả định được đặt ra dựa trên các nguy cơ:

- + Sự cố ở khu vực nhà xưởng: Tràn đổ hóa chất.
- + Cháy/nổ nguyên liệu, khí CNG.
- + Tràn đổ/rò rỉ hóa chất lỏng ở các khu vực bồn chứa sản phẩm.

+ Sự cố các hệ thống xử lý môi trường: Nước thải sau xử lý không đạt, nước thải vượt quá năng lực tiếp nhận của hệ thống XLNT; thiết bị, máy móc không hoạt động; Khí thải không đạt tiêu chuẩn xả thải, tràn đổ chất thải nguy hại.

Với các tình huống sự cố lớn, có huy động nhiều phương tiện, nhân lực tham gia, kịch bản diễn tập cần có đủ các nội dung:

Phần 1: Mô tả sự cố

Tình huống giả định (thông tin chi tiết về thời gian, địa điểm, loại hình sự cố, điều kiện thời tiết, số người có mặt tại hiện trường, hướng phát triển của sự cố).

Phần 2: Lực lượng tham gia

- Phương tiện thông tin;
- Lực lượng nhân sự tham gia diễn tập và trách nhiệm từng bộ phận.

Phần 3: Nội dung chi tiết

Nêu chi tiết từng bước tiến hành diễn tập theo thứ tự thời gian, cụ thể bao gồm các chi tiết về: thời gian, bước công việc, người thực hiện, địa điểm, nội dung chi tiết các công việc, phương tiện sử dụng. (có thể lập thành bảng với các cột nội dung như trên).

Phần 4: Báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm

Lập báo cáo kết quả diễn tập sau khu họp rút kinh nghiệm. Báo cáo nêu rõ các bước thực hiện diễn tập có hợp lý không, lực lượng tham gia đã phù hợp chưa,... để bổ sung vào nội dung huấn luyện diễn tập các lần tiếp theo và hoàn thiện biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

Các cuộc diễn tập xử lý tình huống nhỏ hay đơn giản không nhất thiết phải đủ các bước nêu trên. Tùy theo từng trường hợp, Nhà máy sẽ xây dựng kịch bản diễn tập phù hợp.

3.4. PHƯƠNG THỨC THÔNG BÁO, BÁO ĐỘNG KHI XẢY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC, TRANG THIẾT BỊ ĐỂ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.4.1. Phương thức huy động nguồn nhân lực, trang thiết bị để ứng phó sự cố môi trường

Bảng 3. 1. Kế hoạch phối hợp hành động của các lực lượng bên trong và bên ngoài ứng phó đối với các tình huống đã dự báo tại Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam

TT	BƯỚC THỰC HIỆN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	Bước 1	Khi phát hiện THKC: thông báo cho trưởng nhóm thực hiện công việc, cho người giám sát (nếu là nhà thầu) hoặc người phụ trách khu vực về vị trí, tính chất của	Người phát hiện (NLĐ, nhà thầu...)

TT	BƯỚC THỰC HIỆN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGƯỜI THỰC HIỆN
		THKC, để đánh giá sơ bộ về mức độ, khả năng phát triển của THKC.	
		Nguồn tin mọi nơi báo về Giám đốc Sản xuất, đến hiện trường kiểm tra, xác minh lại nguồn tin.	Trưởng ca
		Kích hoạt phương án ứng phó với THKC Cấp I, Giám đốc Sản xuất chỉ huy lực lượng ỨCKC tại chỗ như nhóm thực hiện công việc, PCCC, nhân viên y tế, bảo vệ tiến hành triển khai ứng phó theo nguyên tắc 4 tại chỗ. Đồng thời thông báo ngay cho Giám đốc tình hình.	Giám đốc Sản xuất
		Liên lạc với các Đơn vị liên quan trong Công ty yêu cầu phối hợp ỨCKC. Dừng hoạt động toàn bộ nhà máy nếu cần thiết.	Giám đốc Sản xuất
		Khi có mặt tại hiện trường đảm nhận vai trò chỉ huy cao nhất ỨCKC tại chỗ. Tập trung tất cả nguồn lực, lập tức tiếp cận hiện trường, xử lý sự cố trong khả năng.	Giám đốc Sản xuất
2	Bước 2	Nếu lực lượng ỨCKC tại chỗ không đủ khả năng ỨCKC, báo cáo Giám Đốc Công ty để đề xuất xin ứng cứu và phương án sơ tán theo kế hoạch.	Giám đốc Sản xuất
		Tùy mức độ THKC, sẽ được thông báo để xin hỗ trợ lực lượng phương tiện ỨCKC bao gồm các đơn vị xung quanh và chính quyền địa phương, Cảnh sát PCCC...	Tổng Giám đốc

TT	BƯỚC THỰC HIỆN	NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGƯỜI THỰC HIỆN
3	Bước 3	Tiếp nhận và hướng dẫn lực lượng ứng cứu từ bên ngoài bao gồm các công ty xung quanh, các cơ quan chức năng.	Tổng Giám đốc
		Tuân thủ và tham gia ứng cứu theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.	Toàn bộ nhân viên Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.

Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam sẽ tùy tình hình sự cố mà thông báo cho cơ quan chức năng địa phương (UBND Phường, Cơ quan PCCC, Ban quản lý khu vực và cơ sở y tế...) để có biện pháp hỗ trợ.

Sau khi xử lý sự cố, Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam xác định nguyên nhân gây ra sự cố, thực hiện các biện pháp khắc phục đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng. Báo cáo bằng văn bản tình hình xử lý và khắc phục sự cố về Sở Công Thương Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các cơ quan liên quan.

❖ Đối với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ (hóa chất chỉ tràn đổ trong một khu vực nhỏ không gây ảnh hưởng và lan rộng ra khu vực xung quanh, không gây thiệt hại về người cũng như thiệt hại không đáng kể về tài sản, nằm trong tầm kiểm soát và xử lý khắc phục của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam và Đội PCCC&CNCH cơ sở):
 - Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý
 - Hấp thu hóa chất tràn đổ bằng chất liệu trơ như cát hoặc tấm thấm hút trong bộ dụng cụ ứng phó tràn đổ hóa chất (Spill Kit), sau đó đựng trong thùng chứa CTNH kín.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng (hóa chất chỉ tràn đổ trong khu vực trên diện rộng, gây ảnh hưởng và lan rộng ra khu vực xung quanh, gây thiệt hại về người cũng như thiệt hại nhiều về tài sản, vượt tầm kiểm soát và xử lý khắc phục của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam và Đội PCCC&CNCH cơ sở và cần tới sự hỗ trợ từ phía đơn vị ngoài):
 - Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn hóa chất;
 - Mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp;

- Cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất;
- Hấp phụ hóa chất tràn đổ bằng chất liệu trơ như cát hoặc tấm thấm hút hóa chất trong bộ dụng cụ ứng phó tràn đổ hóa chất (Spill Kit), không sử dụng chất liệu dễ cháy (như mùn cưa), sau đó đựng trong thùng chứa CTNH kín và đem đi xử lý.
- Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ, không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Nước thải cho chảy vào các hồ thu gom nước thải hoá chất, sau đó hút lượng nước thải này vào thùng chứa phối hợp với nhà thầu có chức năng thu gom, xử lý.
- Phun nước dạng sương hoặc thông gió cưỡng bức để pha loãng hơi hóa chất, bảo vệ nhân viên hạn chế tiếp xúc với hóa chất.
- Sử dụng dụng cụ và thiết bị không phát ra tia lửa điện.
- Sử dụng phương pháp thu hồi, không tạo ra bụi hóa chất, ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự phát tán bằng nước hoặc phun ẩm.

❖ **Đối với sự cố cháy nổ**

Trường hợp với sự cố nhỏ, diễn biến không phức tạp, lực lượng và phương tiện tại chỗ có thể giải quyết được thì Đội trưởng Đội PCCC&CNCH cơ sở chỉ đạo các thành viên trong Đội để triển khai khắc phục sự cố.

Các biện pháp xử lý sự cố cháy nổ như sau:

- Khi một người phát hiện cháy trong cơ sở của Công ty cần thực hiện ngay các bước sau:
 - Ấn chuông báo động gần nhất và hô hoán “Cháy, cháy, cháy tại...” ngay cho những người ở xung quanh được biết;
 - Dùng bình chữa cháy xách tay để dập tắt đám cháy nếu đám cháy nhỏ;
 - Nếu không tự tin có thể dập tắt được đám cháy thì bình tĩnh tìm cách rời khỏi khu vực nguy hiểm theo lối thoát thích hợp nhất;
 - Gọi điện thoại số 114 cho Cảnh sát chữa cháy;
 - Đến ngay địa điểm tập trung và tham gia vào nhóm tập trung đã được chỉ định để điểm danh;
- NLĐ Công ty khi nghe tín hiệu báo động cần:
 - Giữ bình tĩnh, tuân theo hướng dẫn, thoát khỏi khu vực nguy hiểm theo lối thoát hiểm khẩn cấp thích hợp tới địa điểm tập trung đã được quy định và thông báo cho người có trách nhiệm.
 - Tại địa điểm tập trung, Các Trưởng nhóm có trách nhiệm điểm danh theo danh sách trên bảng tập trung và báo cáo số hiện còn mất tích cho Chỉ huy hiện trường để tổ chức tìm kiếm.

- Chú ý:
 - Sau khi đám cháy được dập tắt, hiện trường phải được giữ nguyên để phục vụ cho công tác điều tra của các cơ quan có thẩm quyền.
 - Chỉ huy hiện trường:
 - Thông báo ngay cán bộ trực thông tin;
 - Thông báo cho cơ quan PCCC địa phương, cơ quan liên hệ để phối hợp;
 - Thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin liên quan nếu được yêu cầu;
 - Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ huy UCKC;
 - Xem xét thông báo đến các cơ quan chức năng nếu được yêu cầu.

❖ **Phương án khắc phục hậu quả sự cố hóa chất**

- Ban chỉ huy UCKC và khắc phục sự cố Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam gồm các thành viên sau đây:
 - Trưởng Ban chỉ huy: Tổng Giám đốc Công ty;
 - Phó Ban chỉ huy: các Giám đốc;
 - Thành viên gồm: các Phó Giám đốc, Lãnh đạo các Phòng/ Xưởng ATMT, KTSX, KT, TCHC, Phòng thu mua, Kho nguyên liệu, Kho thành phẩm và trường hợp xét thấy cần thiết có thể gồm các chuyên viên chuyên môn.
- Ban chỉ huy UCKC có các nhiệm vụ, quyền hạn:
 - Tham mưu, đề xuất với Trưởng ban các biện pháp triển khai công tác ứng cứu; tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố; thảo luận quán triệt về việc triển khai thực hiện các biện pháp ứng cứu đã được Giám đốc quyết định và thảo luận, quyết định các vấn đề quan trọng khác theo đề nghị của Phó Ban thường trực chỉ huy UCKC; quyết định huy động lực lượng thi hành các biện pháp ứng cứu theo biện pháp được phê duyệt;
 - Tổ chức việc tiếp nhận sự hỗ trợ của các lực lượng cảnh sát PCCC, bác sỹ, tổ chức khác;
 - Quản lý, thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí để triển khai các biện pháp ứng cứu và khắc phục hậu quả sự cố;
 - Phân công, giao trách nhiệm chỉ huy thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy UCKC;
 - Ban hành các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị để triển khai thực hiện các biện pháp ứng cứu và khắc phục hậu quả sự cố;
 - Quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ việc áp dụng các biện pháp ứng cứu;
 - Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp ứng cứu;
 - Thành viên Ban chỉ huy UCKC chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

- Trách nhiệm của các đơn vị trong Công ty
 - Trực tiếp theo dõi, đánh giá tình hình về những vấn đề thuộc phạm vi quản lý của mình tại khu vực có tình trạng khẩn cấp báo cáo Ban chỉ huy UCKC;
 - Chủ động đề xuất phương án khắc phục hậu quả; tham mưu để Ban chỉ huy UCKC và Trưởng Ban chỉ huy kịp thời ban hành các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị triển khai thực hiện các biện pháp ứng cứu đã được Giám đốc Công ty quyết định;
 - Cử, biệt phái hoặc điều động NLD thuộc quyền quản lý của mình tham gia lực lượng thi hành các biện pháp ứng cứu trong tình trạng khẩn cấp theo yêu cầu của Ban chỉ huy UCKC;
 - Tổ chức huy động, tập trung phương tiện, vật tư, trang thiết bị thuộc quyền quản lý của mình để chủ động hỗ trợ khắc phục hậu quả sự cố khi cần thiết;
 - Trực tiếp chỉ huy thi hành hoặc hướng dẫn lực lượng tình nguyện thi hành các biện pháp ứng cứu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình;
 - Đáp ứng kịp thời các yêu cầu khác của Ban chỉ huy UCKC;
 - Các đơn vị khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm đáp ứng kịp thời yêu cầu của Ban chỉ huy UCKC về huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị khắc phục hậu quả sự cố; hướng dẫn xử lý các khó khăn, vướng mắc về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến trách nhiệm quản lý của mình trong quá trình khắc phục hậu quả sự cố và đáp ứng kịp thời các yêu cầu khác của Ban chỉ huy;
 - Bộ phận Tổng vụ có trách nhiệm kịp thời hỗ trợ kinh phí để thực thi các biện pháp ứng cứu và khắc phục hậu quả sự cố theo quyết định của Giám đốc.
- Trách nhiệm của Nhân viên Quản lý khu vực, có tình trạng khẩn cấp có trách nhiệm:
 - Chỉ huy công tác ứng cứu ban đầu cho đến khi Ban chỉ huy UCKC chỉ huy;
 - Thông báo ngay NLD có mặt tại khu vực sự cố về việc: ban bố tình trạng khẩn cấp; các biện pháp được quyết định áp dụng tại khu vực có sự cố; ban bố các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị của Ban chỉ huy UCKC;
 - Chấp hành các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị của Ban chỉ huy UCKC;
 - Phân công và tổ chức NLD có mặt tại hiện trường thành từng nhóm tác nghiệp thi hành các biện pháp ứng cứu ban đầu, thực thi theo sự phân công của Ban chỉ huy UCKC; phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, các lực lượng thực thi nhiệm vụ;
 - Phối hợp các lực lượng thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả sự cố;
 - Hướng dẫn NLD chấp hành các quy định của Công ty về tình trạng khẩn cấp, các quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị của Ban chỉ huy UCKC
 - Lập kế hoạch, phương án cụ thể sơ tán người, tài sản kịp thời nhằm bảo vệ và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản;

- Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện hiện có của khu vực và động viên nhà thầu các đơn vị ngoài công ty, thực tập sinh đóng góp nhân lực, vật lực tham gia khắc phục hậu quả sự cố;
 - Bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực;
 - Thường xuyên báo cáo Ban chỉ huy UKCK về kết quả khắc phục hậu quả sự cố trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ban chỉ huy UKCK quyết định huỷ bỏ việc áp dụng các biện pháp ứng cứu ở khu vực đã ổn định được tình hình.
- NLĐ thuộc Công ty:
- Sẵn sàng tham gia vào các nhóm tác nghiệp công tác ứng cứu theo sự phân công của Chỉ huy hiện trường, Ban chỉ huy ứng cứu khẩn cấp, chấp hành nghiêm chỉnh mọi quyết định, mệnh lệnh, chỉ thị được giao từ Chỉ huy hiện trường hoặc Lãnh đạo Đơn vị;
 - Tham gia các hoạt động xử lý khắc phục sau sự cố khi được yêu cầu kể cả ngoài giờ làm việc.

❖ Nhân lực quản lý hóa chất, hệ thống tổ chức, điều hành và trực tiếp ứng phó sự cố

- Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam có các hoạt động sản xuất hóa chất chủ yếu dựa trên các quy trình tự động và khép kín. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những rủi ro liên quan đến hoạt động sản xuất hóa chất. Do đó, Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam luôn ưu tiên đặt vấn đề an toàn lên hàng đầu. Các khóa huấn luyện về an toàn hóa chất và các quy trình sơ cấp cứu luôn được thực hiện theo đúng quy định và duy trì thường xuyên.

Nhân lực quản lý hóa chất của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam với các nhân viên cấp bậc quản lý và trên quản lý có trình độ Đại học chuyên ngành hóa chất trở lên. Được đào tạo bài bản và kinh nghiệm trong lĩnh vực hóa chất, đặc biệt liên quan đến vấn đề an toàn trong sản xuất, lưu trữ và vận chuyển hóa chất.

Đối với ứng phó sự cố hóa chất, Công ty cũng rất chú trọng để nâng cao năng lực ứng phó cũng như thường xuyên quán triệt đến toàn thể nhân viên để nâng cao tinh thần cảnh giác với những rủi ro có thể xảy ra.

Hệ thống tổ chức, điều hành và trực tiếp ứng phó sự cố được xây dựng dựa trên hệ thống nhân sự của công ty. Từ đó, tạo điều kiện để thực hiện nguyên tắc “3 trước” bao gồm: Nhận diện, chủ động phòng, chống trước; phát hiện, hành động, xử lý trước; chuẩn bị phương án, vật tư trước; và “4 tại chỗ” gồm: Lực lượng tại chỗ; chỉ huy tại chỗ; phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ. trong việc ứng phó sự cố nói chung và sự cố hóa chất nói riêng

Nhân sự tổ chức, điều hành và trực tiếp ứng phó sự cố hóa chất được quy định rõ trong Quyết định thành lập Đội PCCC, Cứu nạn cứu hộ và Ứng phó sự cố hóa chất (Đính kèm trong Phụ lục)

Để phân công nhiệm vụ cụ thể, các sự cố hóa chất tại Công ty được phân loại dựa vào mức độ tác động của sự cố đối với con người, môi trường và tài sản; phạm vi ảnh hưởng và khả năng ứng phó tại chỗ của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam. Căn cứ theo đó, các sự cố được chia làm 3 cấp tương ứng với mức độ nhỏ, vừa và sự cố lớn (nghiêm trọng).

- **THSCHC Cấp I (Mức độ nhỏ):** Sự cố nằm trong khả năng ứng phó của công ty

Trong trường hợp này, sự cố xảy ra tại một bộ phận trong Công ty có quy mô nhỏ (Phạm vi xảy ra: $5m^2$), không lập tức gây nguy hại đối với tính mạng, tài sản và môi trường. Khi đó, sự cố có thể được kiểm soát bởi chính bản thân nhà máy bằng cách sử dụng các biện pháp xử lý tại chỗ, huy động các các biện pháp xử lý tại chỗ và nguồn lực có sẵn của nhà máy. Các nhân viên làm việc trong ca chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý. Nói cách khác, nhà máy có đủ nguồn lực và khả năng để kiểm soát tình huống sự cố mà chưa cần tới sự giúp đỡ từ bên ngoài.

Các tình huống sự cố cấp I bao gồm các tình huống giả định (hoặc mức độ tương tự các tình huống giả định) sau:

- Rò rỉ hóa chất, nhiên liệu mức độ nhỏ từ các mối nối, mối hàn, mặt bích, gioăng đệm... trên hệ thống đường ống, thiết bị, thùng phuy chứa hóa chất mà mắt thường có thể nhận biết được hoặc có thể ngửi thấy được;

- Gãy ống hàng lỏng, hơi kích thước nhỏ không kèm theo cháy;

- Va chạm xe nâng, xe chở phuy hóa chất, nhiên liệu trong khu vực Công ty nhưng không gây cháy nổ;

- Cháy nhỏ, xa khu vực sản xuất, kho chứa;

- Cháy trong khu vực nhà điều hành, bãi xe... được phát hiện kịp thời dễ dàng khống chế bằng các dụng cụ chữa cháy cầm tay;

- Sét đánh gần khu vực kho không gây cháy;

- Cháy nổ nhỏ ở các đơn vị xung quanh chưa trực tiếp ảnh hưởng đến Công ty;

- Công nhân bị bỏng nhẹ, ăn mòn da, choáng, ngất do tiếp xúc với hóa chất nhưng ở mức độ nhẹ.

- **THSCHC Cấp II (Mức độ vừa):** Sự cố vượt khả năng ứng phó của công ty

Khi đó, sự cố xảy ra tại 2 bộ phận trở lên trong Công ty, có khả năng lan rộng ra trên toàn phạm vi Công ty (Phạm vi xảy ra: $10m^2$) và có khả năng gây ra những mối nguy hiểm nhất định đối với tính mạng con người, tài sản và môi trường. Để có thể kiểm soát các tình huống này, ngoài việc triển khai các biện pháp ứng cứu bằng lực lượng ứng cứu tình huống sự cố hóa chất tại chỗ của nhà máy, thì còn cần tới sự

phối hợp và hỗ trợ từ bên ngoài (chính quyền địa phương, các đơn vị có lực lượng, phương tiện sẵn có xung quanh, gần kề khu vực xảy ra sự cố, lực lượng PCCC khu vực, các bệnh viện/ trạm y tế trong khu vực...).

Các tình huống sự cố cấp II bao gồm các tình huống giả định (hoặc mức độ tương tự các tình huống giả định) sau:

- Rò rỉ, tràn đổ lượng lớn hóa chất trên đường ống, thiết bị công nghệ, kho chứa;
- Có đám cháy ở khu vực chứa hóa chất, khu vực nhà xưởng sản xuất;
- Cháy lớn gần kho chứa hóa chất, nhiên liệu, nhà xưởng sản xuất, và có nguy cơ cháy lan vào các khu vực đó;
- Va chạm giữa các phương tiện chuyên chở hóa chất với nhau hoặc giữa phương tiện chuyên chở với các thiết bị công nghệ trong công ty gây tràn đổ một lượng lớn hóa chất nguy hiểm;
- Sét đánh vào khu vực công ty gây hư hỏng thiết bị hoặc phát sinh đám cháy cục bộ;
- Cháy nổ từ các đơn vị xung quanh sát khu vực bờ tường công ty có nguy cơ cháy lan sang công ty;
- Có nhiều người bị thương hoặc tử vong do tai nạn lao động hoặc do sự cố hóa chất gây ra.

- **THSCHC Cấp III (Mức độ lớn):** sự cố vượt khả năng ứng phó của KCNCS Phú Mỹ 3 và các công ty trong KCN

Trong trường hợp này, sự cố vượt tầm kiểm soát của nhà máy, lan rộng ra các nhà máy lân cận và gây nên mối nguy hiểm nghiêm trọng đối với cuộc sống con người, tài sản, môi trường hoặc thiệt hại toàn bộ công trình. Tình huống này có thể xuất hiện ngay lập tức hoặc xuất phát từ những tình huống sự cố cấp thấp hơn nhưng do không kiểm soát được và sự cố leo thang đến mức độ nghiêm trọng hơn.

Khi đó, để đối phó với các tình huống này, cần tới sự phối hợp và trợ giúp của các đơn vị bên ngoài, các lực lượng ứng cứu sự cố chuyên nghiệp như: PCCC cấp Quận/Huyện, y tế Quận/Huyện và phải xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của giám đốc công ty. Nếu cần thiết, sẽ phải xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và sự hỗ trợ của Sở Công Thương, Quân khu 7, Cục Hóa chất – Bộ Công Thương, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các cơ quan ban ngành Trung ương liên quan.

Các tình huống sự cố cấp III bao gồm các tình huống giả định (hoặc mức độ tương tự các tình huống giả định) sau:

- Cháy nổ lớn phải sơ tán, rời bỏ công trình;
- Thiên tai nghiêm trọng (lũ lụt, sét đánh, động đất, bão, lốc xoáy...) làm phá hủy các công trình, kho tàng, nhà xưởng trong công ty;
- Nhiều người bị thương hoặc tử vong do các tình huống sự cố gây ra;
- Bị tấn công vũ trang, kẻ xấu đặt vật liệu nổ để phá hoại;
- Cháy nổ trong công ty lan truyền sang các đơn vị xung quanh làm các đơn vị này cũng bị cháy nổ.

3.4.2. Phương thức thông báo, báo động khi xảy ra sự cố môi trường

❖ Hệ thống thông báo nội bộ

- Phương tiện thông báo

Phương tiện thông báo nội bộ trong Nhà máy tùy theo khu vực có thể sử dụng điện thoại cố định, điện thoại di động, bộ đàm, đèn, còi báo động, lao...

Tại các khu vực công nghệ, các điểm nguy cơ cháy nổ cao: Sử dụng bộ đàm

Tại các khu văn phòng, nhà bảo vệ và các khu vực khác không nguy hiểm về cháy nổ: có thể sử dụng điện thoại cố định, điện thoại di động, bộ đàm.

Phương thức báo nguy ban đầu: Nhấn còi báo động theo nhịp từng hồi dài 20 giây, ngưng 5 giây, liên tục trong 2 phút.

Mọi người nghe tín hiệu còi báo động ngưng việc, ngưng máy ngay, sau đó rời khỏi cương vị đi về phía điểm tập trung an toàn.

- Danh bạ liên lạc nội bộ

Danh bạ liên lạc khẩn cấp nội bộ của Nhà máy như sau:

Ban chỉ huy ứng cứu khẩn cấp			
STT	Họ và tên	Số điện thoại	Ghi chú
1	TGD Kawasumi Koichi	0917 594 469	
2	GĐNM Matsushita Kazuyoshi	0917 594 169	
3	PGĐNM Morikami Naonori	0915 496 297	
4	TPCLVSMT Nobukuni Shigeki	0915 497 593	
5	PPSX Phan Văn Tuyên	0909-486-199	
6	GSNM Trần Thanh Hà	0765 291 004	
7	NVVH Vũ Toàn Thiện	0838 177 272	

❖ Hệ thống thông báo ra bên ngoài

Phương tiện thông báo ra bên ngoài

Hệ thống thông báo ra bên ngoài bao gồm điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, máy bộ đàm, email...Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế để cung cấp các dịch vụ sau:

- Điện thoại cố định/di động kết nối trong nước và quốc tế;
- Máy Fax tại văn phòng.
- Hệ thống máy tính kết nối internet tốc độ cao để gửi và nhận thông tin qua email...

Danh bạ liên lạc với bên ngoài

Danh bạ liên lạc với các cơ quan, đơn vị bên ngoài tùy thuộc vào mức độ sự cố được thể hiện như sau:

Bảng 3. 2: Danh bạ liên lạc với các cơ quan bên ngoài

TT	Cơ quan, đơn vị	Điện thoại	Ghi chú
Các Cơ quan/đơn vị địa phương			
1	UBND phường Phước Hòa	0254 3876 934	
2	UBND thị xã Phú Mỹ	0254 3876 779	
3	UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254 3851 737	
4	Đồn Công an KCN	0254 3.923.616	
5	Công an phường Phước Hòa	0254 3876 934	
6	Công an Thị xã Phú Mỹ	02543.893130	
7	Phòng Cảnh sát PCCC	0254 3876 966	
8	Ban quản lý KCN	0254 3816 640	
9	Bệnh viện Bà Rịa	0254 3731 115	
10	Bộ chỉ huy quân sự	-	
11	Điện lực Bà Rịa	0254 2212 788	
12	Cấp nước phú mỹ	0254 3876 576	
13	Sở TNMT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	-	
14	Sở Công thương tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254 3542 677	

3.5. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 125 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các biện pháp ứng phó đối với nguy cơ xảy ra sự cố môi trường đã xác định

TT	Sự cố	Phương án ứng phó
1	Cháy, nổ	- Báo động: Người phát hiện sự cố nhanh chóng hô to cho những người xung quanh biết, đồng thời bấm nút báo động và báo cho chỉ huy đội Ứng phó sự cố tại chỗ thông qua bộ đàm - Xử lý Nếu cháy mà không kèm theo nổ - Đóng van cô lập nguồn gây cháy - Dừng các hoạt động công nghệ liên quan đến khu vực sự cố; - Đội PCCC cơ sở triển khai đội hình chữa cháy; - Sử dụng các bình chữa cháy xách tay, hệ thống foam, nước, chữa cháy phun vào khu vực sự cố - Gọi 114 báo cho Cảnh sát PCCC nếu sự cố vượt quá khả năng xử lý của lực lượng ứng cứu tại Nhà máy. Nếu cháy kèm theo nổ - Báo ngay cho ban chỉ đạo Ứng phó sự cố Nhà máy; - Cứu người bị nạn, đưa đến khu vực an toàn và sơ cấp cứu (nếu có). - Trưởng ban chỉ đạo UCKC Nhà máy chỉ đạo các lực lượng triển khai đội hình ứng cứu. - Gọi 114 báo cho Cảnh sát PCCC và các Cơ quan/Đơn vị xung quanh (An ninh, Y tế, các đơn vị có nguồn lực ứng cứu phù hợp...) - Trưởng ban UPSC Nhà máy sẽ chỉ huy ứng phó sự cố ban đầu, lúc có mặt Cơ quan UCKC chuyên nghiệp thì Trưởng ban báo cáo nhanh tình hình sự cố và trao quyền chỉ uy ứng cứu cho người có trách nhiệm cao nhất của các cơ quan Ứng cứu. Tất cả những người có trách nhiệm Ứng cứu của nhà máy phải tuân theo mệnh lệnh của người chỉ huy hiện trường lúc này. - Sau sự cố, trưởng ban chỉ đạo UCKC nhà máy chỉ đạo các Phòng ban chức năng điều tra nguyên nhân, ghi nhận sự cố để báo cáo cho KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3 và các cơ quan chức năng địa phương. - Các lực lượng tham gia ứng cứu họp rút kinh nghiệm

TT	Sự cố	Phương án ứng phó
2	Rò rỉ, tràn đổ hóa chất	- Báo động: Người phát hiện sự cố hô lớn cho mọi người biết bấm nút báo động, đồng thời thông báo cho chỉ huy UCKC bằng bộ đàm - Xử lý: + Chỉ huy UCKC nhanh chóng có mặt tại hiện trường, xác minh mức độ sự cố để xem xét đến việc phải điều động một phần hay toàn bộ lực lượng tại chỗ; + Trang bị đầy đủ đồ BHLĐ, tiếp cận vị trí sự cố; + Cô lập nguồn gây ra sự cố (nếu có) + Bơm lượng hóa chất trong bồn bị sự cố sang bồn chứa hóa chất còn trống; + Điều động xe bồn đến hút trong đê bao; + Dùng các vật liệu thấm hút phủ lên bề mặt, sau đó gom và tập kết ở khu vực chất thải nguy hại chờ xử lý - Trường hợp sự cố tràn đổ lớn báo ngay cho Ban chỉ đạo UCKC Nhà máy để chỉ đạo ứng cứu và thông báo, đề nghị sự trợ giúp của Cơ quan/Đơn vị bên ngoài.
3	Rò rỉ hóa chất trên hệ thống công nghệ	Đối với Khí Nito Báo động: Báo ngay cho Giám đốc sản xuất. Xử lý Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, mặt nạ phòng độc, túi đồ nghề để tiếp cận hiện trường, tìm cách cô lập nguồn rò rỉ. Dùng hệ thống quạt hút để thu hồi khí rò rỉ Đối với hóa chất dạng lỏng Báo động Hô lớn cho mọi người biết, bấm nút báo động và thông báo bằng bộ đàm đến đội trưởng đội UCKC. Xử lý:

TT	Sự cố	Phương án ứng phó
		Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và dụng cụ, thiết bị ứng phó sự cố; Tiếp cận hiện trường, tìm cách cô lập nguồn gây sự cố; Bơm chất lỏng từ vị trí bị sự cố sang thiết bị chứa khác Thu hồi chất lỏng đã bị rò rỉ, dùng vật liệu thấm hút để thu hồi triệt để, thu gom tập kết về nơi tập trung chất thải nguy hại. Làm sạch môi trường
	Hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải nguy hại	Báo động: Báo ngay cho Trường bộ phận an toàn và quản lý chất lượng thông qua bộ đàm/Điện thoại di động Xử lý: T - Trang bị đầy đủ BHLĐ - Ngưng bơm ra nguồn tiếp nhận - Chuyển nước thải sang bể sự cố - Tiến hành kiểm tra phát hiện nguyên nhân - Khắc phục hệ thống - Vận hành lại hệ thống

PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ sở hóa chất.
2. Giấy phép môi trường của Dự án
3. Sơ đồ vị trí khu đất đặt dự án, cơ sở hóa chất.
4. Sơ đồ tổng mặt bằng của dự án.
5. Sơ đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hóa chất trong mặt bằng dự án.
6. Sơ đồ thoát hiểm
7. Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường
8. Giấy chấp thuận kết quả nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam
9. Quyết định Thành lập đội Phòng cháy chữa cháy và Ứng phó sự cố Hóa chất, Danh sách đội.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3502414641

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 12 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 01 tháng 04 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEIKO PMC VIETNAM CO., LTD.

Tên công ty viết tắt: SPMCV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường N2, Lô D4, Khu Công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 260.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng

Tương đương 11.200.000 USD (Bằng chữ: Mười một triệu hai trăm ngàn Đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY SEIKO PMC CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100-01-033609

Ngày cấp: 23/01/1968 Nơi cấp: Cục tư pháp Tokyo

Địa chỉ trụ sở chính: Wakamatsu Bldg.8th Floor, 3-3-6, Nihonbashi Honcho, Chuo-Ku, Tokyo, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: OKU TERUMASA

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/06/1968 Dân tộc: Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: TR4557490

Ngày cấp: 31/07/2015 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Nhật Bản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 334-14, Sonnocho, Inage-ku, Chiba-shi, Chiba-ken, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại: Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Trường

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 204 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 801/22-CV/SPMCV ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường N2, lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, địa chỉ tại đường N2, lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại đường N2, lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N2, lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3502414641.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất kinh doanh các loại hóa chất ngành giấy.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích nhà máy: 30.000 m².

lt

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 30.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó: Chất tăng độ bền khô cho giấy: 18.000 tấn/năm; Tác nhân gia keo bằng nhựa thông: 12.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

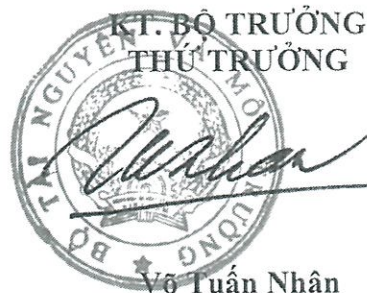
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05.. tháng 9..... năm 2022 đến ngày 04.. tháng 9..... năm 2032).

Điều 4. Giao Tổng cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ;
- Lưu: VT, TCMT, HL.12.



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204 /GPMT-BTNMT ngày 05. tháng 09. năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thoát nước và xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng và khu vực sản xuất được thu gom, đầu nối về Hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) để xử lý.

- Nước thải sản xuất được thu gom về HTXLNT để xử lý như sau:

+ Nước thải từ tháp giải nhiệt và máy làm mát được thu gom qua Hệ ống WW-1.1.

+ Nước mưa 15 phút đầu tiên từ khu bồn chứa nguyên liệu và hóa chất khu bồn sản phẩm được thu gom qua Hệ ống WW-1.2 và Hệ ống WW-1.3.

+ Nước thải từ lò hơi được thu gom bằng Hệ ống WW-1.4.

+ Nước thải từ tháp rửa khí khu vực nhà nấu nhựa thông được thu gom bằng Hệ ống WW-2.1.

+ Nước thải từ tháp rửa khí tác nhân gia keo bằng nhựa thông được thu gom bằng Hệ ống WW-2.2.

+ Nước thải từ tháp rửa khí khu vực sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy được thu gom bằng Hệ ống WW-2.3.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Vị trí: 01 bể tự hoại loại 1 tại khu vực nhà bảo vệ, 01 bể tự hoại loại 2 tại khu vực văn phòng làm việc, 01 bể tự hoại loại 1 tại khu vực nhà năng lượng, 01 bể tự hoại loại 1 tại khu vực nhà kiểm soát.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → HTXLNT.

- Công suất thiết kế: Bể tự hoại loại 1 có công suất thiết kế là 13,3 m³/bể; Bể tự hoại loại 2 có công suất thiết kế là 17,6 m³/bể.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi (DAF) → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể đệm → Lọc cát → Lọc than hoạt tính → Bể giám sát → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3.

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày đêm.

- Vị trí đầu nối nước thải, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°: X = 1164589,251; Y = 424461,947, điểm tiếp nhận nước thải đã xử lý sơ bộ của Nhà máy vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3.

- Hóa chất sử dụng: NaOH 32%, H₂SO₄ 32%, PAC 30%, H₃PO₄ 85%, A. Polymer 98%, C. Polymer 98%, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng bể sự cố có dung tích thiết kế 350 m³ để ứng phó khi HTXLNT gặp sự cố.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành HTXLNT theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với HTXLNT, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi HTXLNT được hoàn toàn khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng sau khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: HTXLNT công suất thiết kế là 350m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại Bể điều hòa và 01 điểm tại vị trí đầu nối nước thải vào HTXLNT tập trung của Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3,

quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng thuê lại đất số 20/2019/TBPM/TM-HDTD-SEIKO ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ và Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6 - 9
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
3	Màu	Pt-Co	50
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
5	COD	mg/l	350
6	BOD ₅	mg/l	300
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	405
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	20
9	Tổng Nito	mg/l	35
10	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
12	Sunfua	mg/l	0,162

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Lấy mẫu nước thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải trong 3 ngày liên tục: 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành HTXLNT phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình sản xuất.

ltz

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~204~~ /GPMT-BTNMT ngày 05. tháng 9... năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ máy nghiền nhựa thông và lò nung nhựa thông.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ bể trộn, bể chứa của dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 01 sử dụng nhiên liệu là khí thiên nhiên.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 02 sử dụng nhiên liệu là khí thiên nhiên.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 03 sử dụng nhiên liệu là khí thiên nhiên.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải, theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiều 3° :

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói tháp rửa khí số 01 (Nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164651$; $Y = 424253$.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói tháp rửa khí số 02 (Nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164694$; $Y = 424346$.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói tháp rửa khí số 03 (Nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164688$; $Y = 424346$.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói lò hơi số 01 (Nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164662$; $Y = 424367$.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói lò hơi số 02 (Nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164662$; $Y = 424367$.
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói lò hơi số 03 (Nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164662$; $Y = 424367$.
- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thải máy phát điện dự phòng (Nguồn số 07), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1164600$; $Y = 424419$.

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam tại đường N2, lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.800 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.880 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.880 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.880 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 623 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,0) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Lắp đặt quan trắc tự động (tự nguyện)
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ bụi, khí thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 01 để xử lý.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ máy nghiền nhựa thông và lò nung nhựa thông được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 02 để xử lý.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ bể trộn, bể chứa của dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông được thu gom về hệ thống xử lý khí thải số 03 để xử lý.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 01 được thu gom bằng đường ống về ống khói lò hơi số 01.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 02 được thu gom bằng đường ống về ống khói lò hơi số 02.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ lò hơi số 03 được thu gom bằng đường ống về ống khói lò hơi số 03.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom về ống khói của máy phát điện.

1.2. Hệ thống xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01 (xử lý khí thải từ nguồn số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy → Tháp ngưng tụ số #1 → Tháp rửa khí số #1 → Ống thải (cao 19,1m) → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải số 02 (xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Khí thải phát sinh từ lò nấu nhựa thông → Tháp ngưng tụ số #2 → Tháp rửa khí số #2 → Ống thải (cao 5,1m) → Xả ra môi trường.

+ Bụi phát sinh từ máy nghiền thùng nhựa thông → Tháp rửa khí số #2 → Ống thải (cao 5,1m) → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.800 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải số 03 (xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 03):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ bể trộn, bể chứa dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông (nguồn số 03) → Tháp rửa khí số #3 → Ống thải (cao 19,1m) → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2.4. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải khác không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải, do sử dụng nhiên liệu là khí gas, dầu DO (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: tự nguyện lắp đặt.

1.3.1. Hệ thống quan trắc tự động khí thải số 01:

- Vị trí lắp đặt: Tại ống thải của của hệ thống xử lý khí thải số 01.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.

- Camera theo dõi: 01 thiết bị.

- Kết nối, truyền số liệu: Truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3.2. Hệ thống quan trắc tự động khí thải số 02:

- Vị trí lắp đặt: Tại ống thải của của hệ thống xử lý khí thải số 02

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.

- Camera theo dõi: 01 thiết bị.

Ư2

- Kết nối, truyền số liệu: Truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3.3. Hệ thống quan trắc tự động khí thải số 03:

- Vị trí lắp đặt: Tại ống thải của của hệ thống xử lý khí thải số 03.
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.
- Camera theo dõi: 01 thiết bị.
- Kết nối, truyền số liệu: Truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải gây ô nhiễm môi trường.
- Lắp đặt hệ thống cảnh báo khi thiết bị thu gom bụi không hoạt động khi máy nghiền thùng nhựa thông vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng sau khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: 03 hệ thống xử lý khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01, công suất thiết kế 6.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải số 02, công suất thiết kế 4.800 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải số 03, công suất thiết kế 6.000 m³/giờ.
- Các hệ thống xử lý bụi, khí thải khác không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí tại đầu ra của 03 hệ thống xử lý khí thải (mỗi một hệ thống 01 vị trí).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Mẫu khí thải đầu ra đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải 3 ngày liên tục: 03 mẫu đầu ra.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204/GPMT-BTNMT ngày 05. tháng 09. năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy nghiền thùng nhựa thông.
- Nguồn số 02: Máy nhũ hóa trong dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông.
- Nguồn số 03: Lò phản ứng trong dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy.
- Nguồn số 04: Máy làm lạnh.
- Nguồn số 05: Máy nén khí.
- Nguồn số 06: Máy phát điện.
- Nguồn số 07: Nhà bơm phòng cháy chữa cháy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107⁰45' múi 3⁰

TT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Máy nghiền thùng nhựa thông (Khu vực nhà nấu nhựa thông)	X = 1 164 699; Y = 424 367
2	Máy nhũ hóa (trong dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông)	X = 1 164 671; Y = 424 355
3	Lò phản ứng	X = 1 164 674; Y = 424 358
4	Máy làm lạnh	X = 1 164 637; Y = 424 422
5	Máy nén khí	X = 1 164 637; Y = 424 437
6	Máy phát điện	X = 1 164 600; Y = 424 419
7	Nhà bơm phòng cháy chữa cháy	X = 1 164 612; Y = 424 376

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Các quạt công nghệ được trang bị bộ phận chống rung tại vị trí đặt, miệng thổi, miệng hút của quạt.

1.2. Lắp đặt đệm cao su tại chân các thiết bị có công suất lớn.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *ltz*

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204/GPMT-BTNMT ngày 05.. tháng 07.. năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
Bao bì nguyên liệu thô chứa thành phần nguy hại			
1	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 01	1.219
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại	18 01 02	78.112
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	18 01 03	12.737
Chất thải nguy hại từ HTXLNT			
4	Bao bì mềm thải có chứa thành phần nguy hại	18 01 01	11
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	18 01 03	920
Chất thải nguy hại từ các hệ thống vận hành khác			
6	Hộp mực in thải	08 02 04	38
7	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	
9	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	16 01 14	
10	Dầu thải	15 02 05	10.760
11	Các loại dầu thải khác	17 07 03	
12	Pin, ắc quy thải	16 01 12	132
13	Than hoạt tính thải	02 11 02	1.900
14	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải	11 06 01	
15	Các loại vật liệu cách nhiệt thải khác có hay bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 06 02	
16	Chất thải điện tử	16 01 13	1.000
17	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh có chứa thành phần nguy hại	11 02 01 16 01 06	2.000
18	Cặn lọc có chứa các thành phần nguy hại	03 07 05	24.300
Tổng khối lượng			133.129

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Tần suất quan trắc để kiểm soát	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Định kỳ quan trắc 1 năm/lần.	12 06 05	144.000
	Tổng khối lượng			144.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Không bao gồm các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu phân loại là TT-R được quản lý như hàng hóa.

Stt	Tên chất thải	Mã Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải phát sinh từ thiết bị làm mát	01 05 02	Tùy thuộc vào tình hình sản xuất của Nhà máy
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải khác với loại trên	18 02 02	
3	Hóa chất thải bỏ khác với các loại trên	19 05 06	

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 106 kg/ngày.**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có dung tích 240 lít/thùng, có dán nhãn và nắp đậy theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa: Diện tích khoảng 70 m². Kho có nền bê tông, vách và mái bằng tôn; có cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Chất thải rắn không chứa thành phần nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có dung tích 240 lít/thùng, có nắp đậy.

- Kho lưu chứa có diện tích 35 m². Kho có mái lợp tôn, tường gạch, sàn xi măng.

2.2.2. Phế liệu: Được lưu chứa tại khu vực kho có diện tích 35 m². Kho có mái lợp tôn, tường gạch, sàn xi măng.

2.2.3. Bùn thải:

- Thiết bị lưu chứa: chứa trong bao tải lớn và để trong thùng chứa inox.

- Khu vực lưu chứa có diện tích khoảng 35 m². Kho có mái lợp tôn, tường gạch, sàn xi măng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa dung tích từ 15-30 lít/thùng có nắp đậy và các loại bao bì.

2.3.2. Kho lưu chứa có diện tích khoảng 35 m². Kho có mái lợp tôn mạ kẽm, tường gạch, sàn xi măng.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu; sự cố bục vỡ đường ống, hệ thống bồn chứa nguyên, nhiên liệu.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

lt

15/16

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

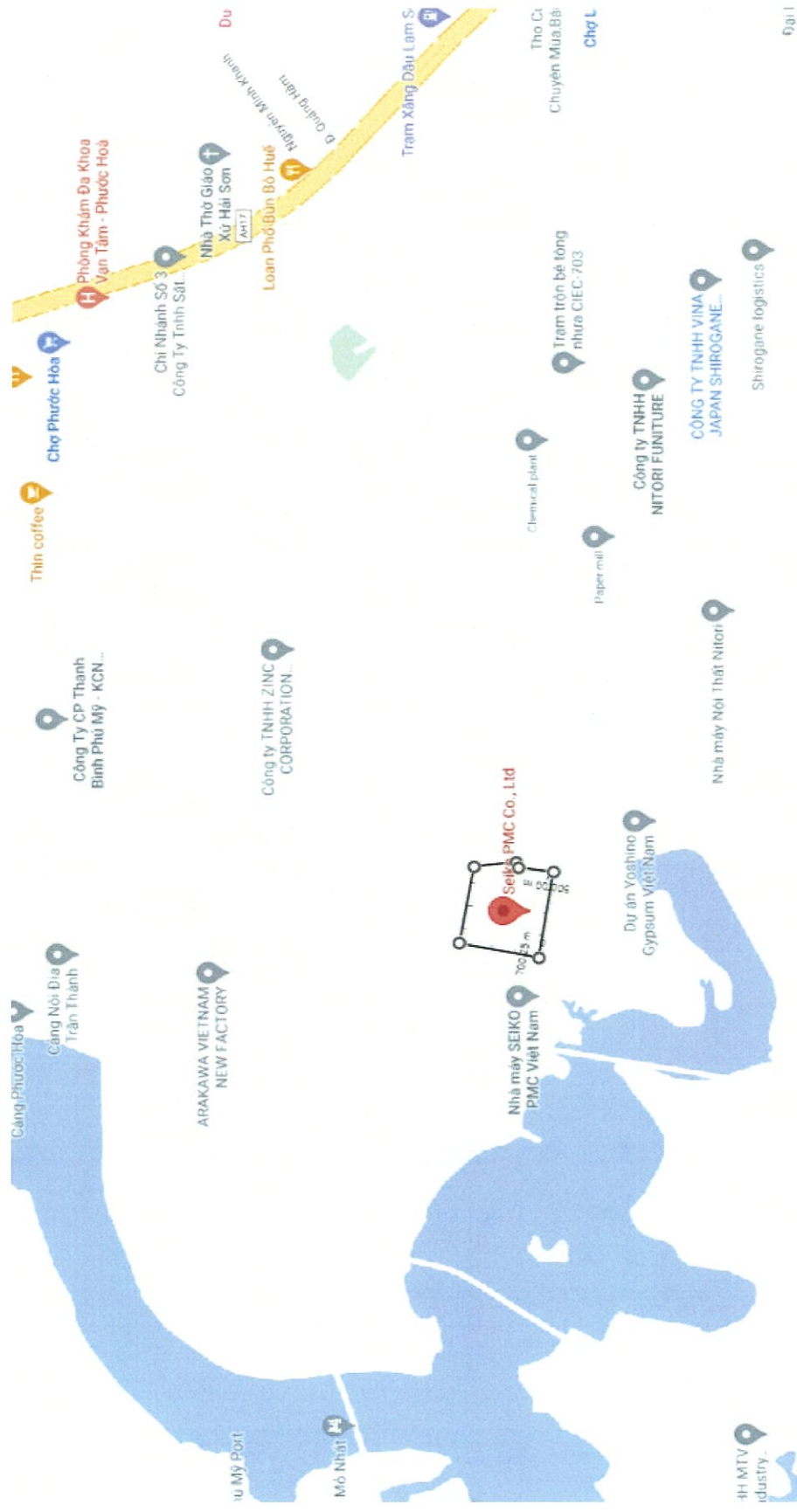
Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 179/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

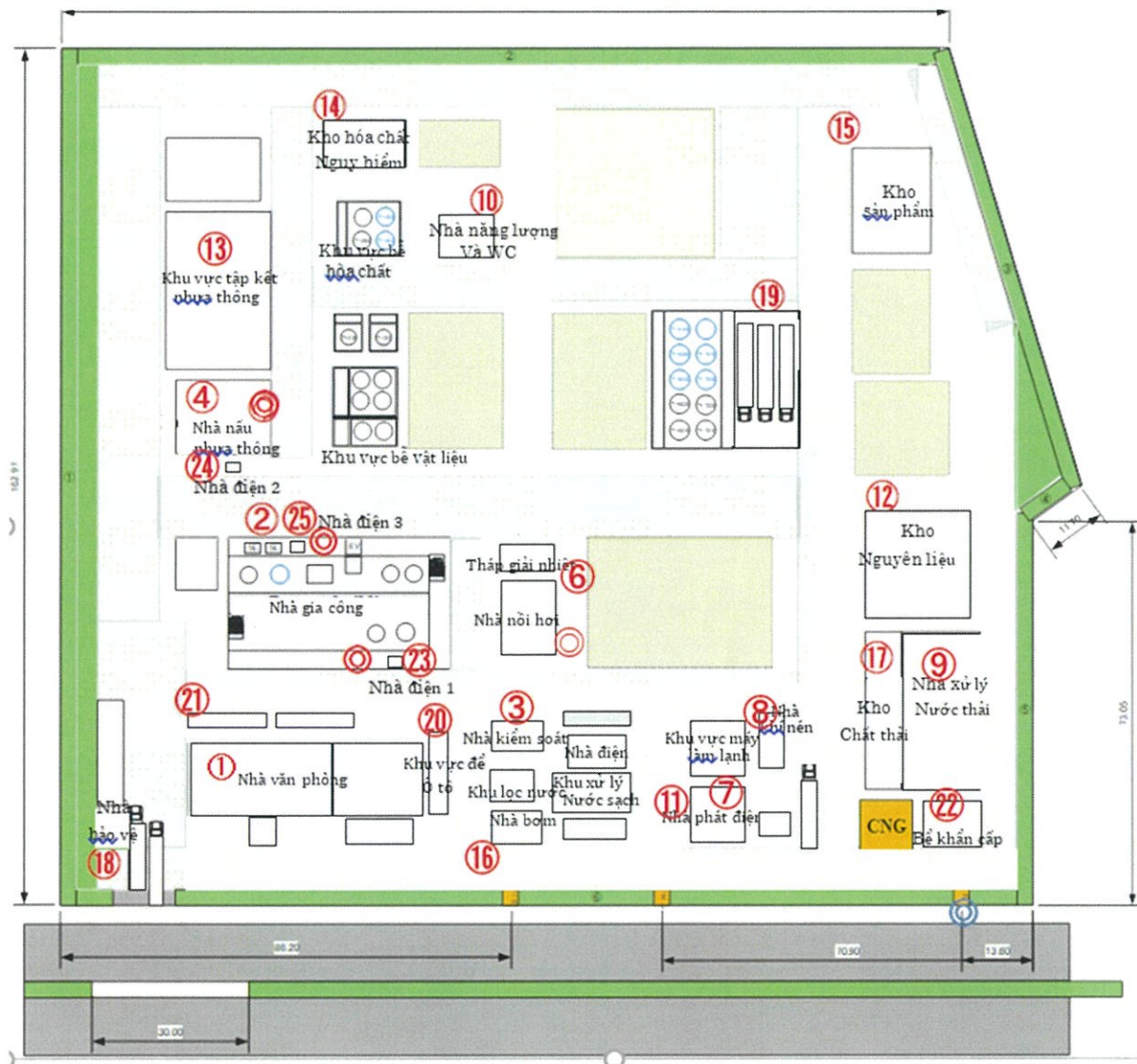
1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Nước thải được quản lý để giảm sử dụng, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.
5. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

ltz

3. Sơ đồ vị trí khu đất dự án, cơ sở hóa chất



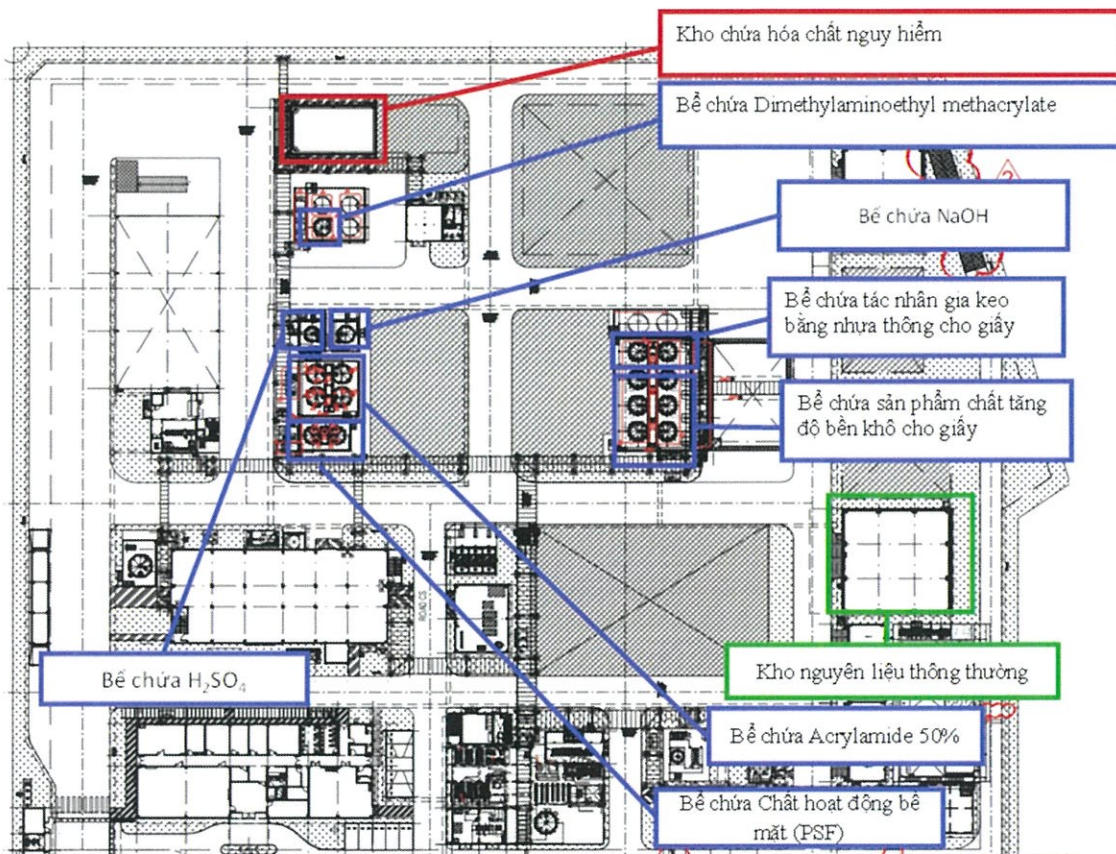
4. Sơ đồ tổng thể mặt bằng của dự án



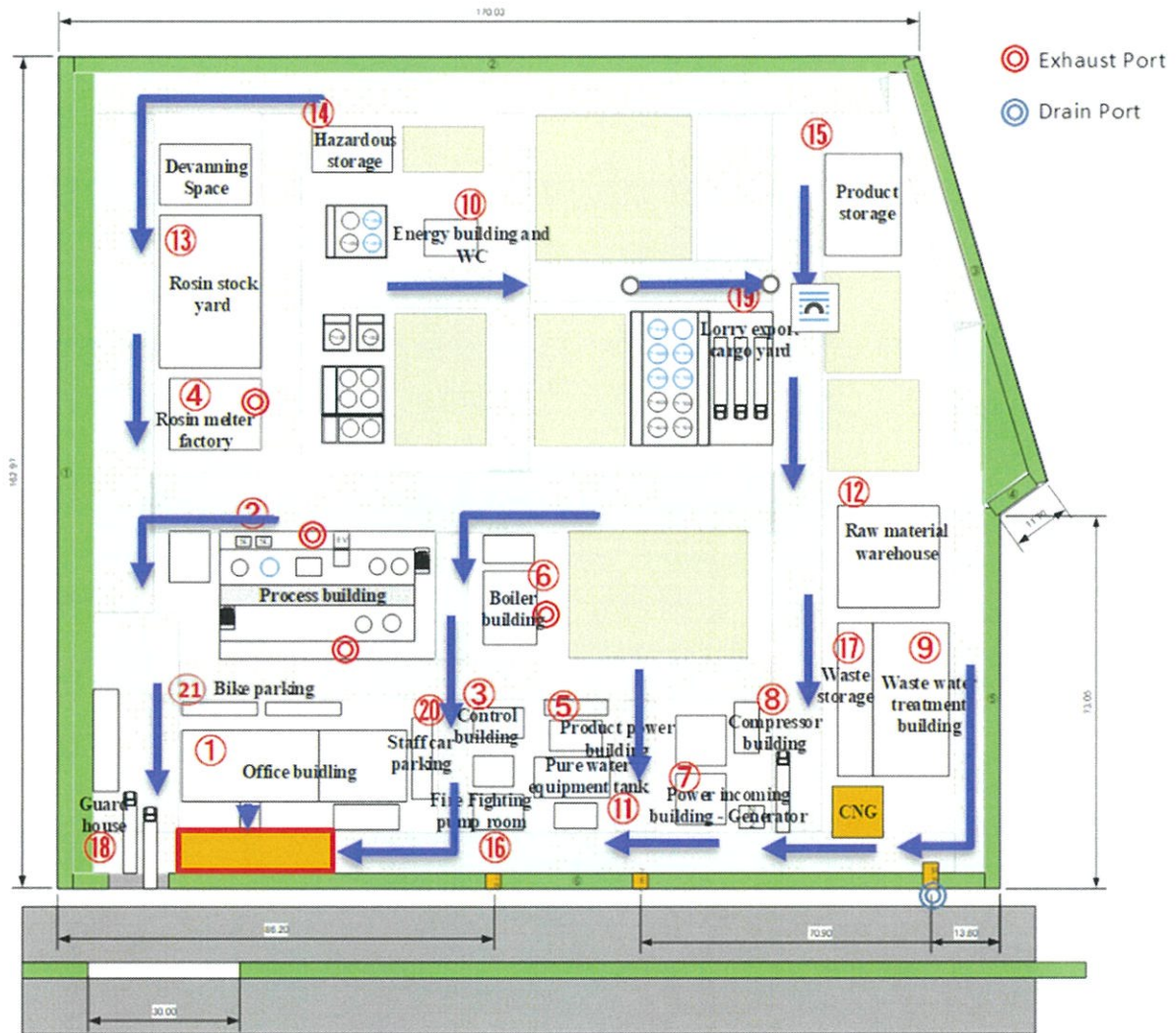
Ghi chú:

- | | | |
|--------------------------------|----------------------------------|---------------------|
| 1. Nhà văn phòng | 10. Nhà năng lượng và vệ sinh | 19. Sân đậu xe bồn |
| 2. Nhà xưởng sản xuất | 11. Khu xử lý nước sạch | 20. Bãi đậu xe ô tô |
| 3. Nhà điều hành | 12. Kho nguyên liệu thô | 21. Bãi đậu xe máy |
| 4. Nhà nấu chảy nhựa thông | 13. Khu tập kết nhựa thông | 22. Bể khẩn cấp |
| 5. Nhà cấp điện cho sản xuất | 14. Kho chứa chất thải nguy hiểm | 23. Nhà điện số 1 |
| 6. Khu chứa lò hơi | 15. Kho thành phẩm | 24. Nhà điện số 2 |
| 7. Phòng điện và máy phát điện | 16. Nhà đặt bơm cứu hỏa | 25. Nhà điện số 3 |
| 8. Nhà để máy nén khí | 17. Kho chứa chất thải | |
| 9. Trạm xử lý nước thải | 18. Nhà bảo vệ | |

5. Sơ đồ mô tả các vị trí lưu trữ, bảo quản hóa chất trong mặt bằng dự án.



6. Sơ đồ thoát hiểm



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 179 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu họp ngày 20 tháng 9 năm 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 20201215/PMC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

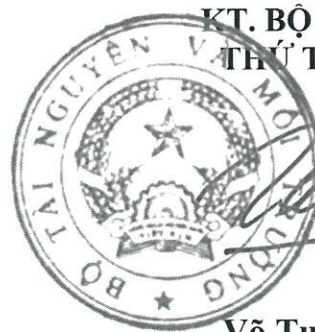
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *khay*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu: VT, TCMT(05), VPMC.VH(11).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

khay
Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT HÓA CHẤT NGÀNH GIẤY SEIKO PMC VIỆT
NAM CÔNG SUẤT 30.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM” TẠI ĐƯỜNG N2, LÔ
D4, KHU CÔNG NGHIỆP CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3, PHƯỜNG PHƯỚC
HÒA, THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2021
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm.
- Địa điểm thực hiện: Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

Dự án được thực hiện trên diện tích khoảng 30.000 m² nằm trong Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm chất tăng độ bền khô cho giấy là 18.000 tấn sản phẩm/năm và tác nhân gia keo bằng nhựa thông là 12.000 tấn sản phẩm/năm.

Các hạng mục công trình của Dự án bao gồm:

- Các hạng mục công trình chính:

- + Nhà xưởng sản xuất có diện tích xây dựng 747 m².
- + Nhà văn phòng có diện tích xây dựng 863 m².
- + Nhà điều hành có diện tích xây dựng 51 m².
- + Nhà nấu chảy nhựa thông có diện tích xây dựng 98 m².

- Các công trình phụ trợ bao gồm: nhà cấp điện cho sản xuất; khu chứa lò hơi (gồm 03 lò hơi đốt bằng khí thiên nhiên, công suất mỗi lò là 02 tấn/giờ); phòng điện và máy phát điện; nhà để máy nén khí; nhà năng lượng và vệ sinh; khu xử lý nước sạch; kho nguyên liệu thô; khu tập kết nhựa thông; kho chứa hóa chất nguy hiểm; kho thành phẩm; nhà đặt bơm cứu hỏa; nhà bảo vệ; sân đậu xe bồn; bãi đậu xe ô tô, xe máy và đường giao thông.

- Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường bao gồm: hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom và xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) công suất thiết kế 350 m³/ngày; 03 hệ thống thu gom

và xử lý khí thải; kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 210 m² và kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 49 m²; hệ thống cây xanh diện tích 6.194,1 m² (chiếm 20,65% tổng diện tích Nhà máy).

- Các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố bao gồm: hệ thống phòng cháy chữa cháy và hệ thống chống sét.

1.3. Phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án.

1.4. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất là các nguyên liệu thô, hóa chất không thuộc danh mục các chất bị cấm nhập khẩu hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Nguyên liệu sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy là 2-Propenamide (C₃H₅NO); 2-(Dimethylamino)ethyl Methacrylate (C₈H₁₅NO₂); Axit sulfuric (H₂SO₄) và các hóa chất khác.

+ Nguyên liệu sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông cho giấy là nhựa thông; Rosin ester; Polymer-Surfactant và các hóa chất khác.

- Công nghệ sản xuất các sản phẩm như sau:

+ Chất tăng độ bền khô cho giấy thu được bằng phản ứng trùng hợp gốc của các đơn phân như acrylamide (C₃H₅NO), axit itaconic (C₅H₆O₄), dimethylaminoethyl methacrylate và N-(2-Acryloyl (hoặc Methacryloyl) oxyethyl) N-dimethylammonium Clorua.

+ Tác nhân gia keo bằng nhựa thông: axit abietic (là thành phần chính của nhựa thông) và axit fumaric (hoặc maleic anhydride) phản ứng với nhau để tạo thành nhựa thông được gia cố bằng axit fumaric và sau khi trộn với este nhựa thông, ta sẽ có được nguyên liệu thô của nhựa thông dưới dạng lỏng để tạo ra nhũ tương nhựa thông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Nước thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng (bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và nước thải từ hoạt động thi công); nước thải phát sinh từ giai đoạn vận hành (bao gồm nước thải từ dây chuyền sản xuất, nước thải lò hơi, nước thải từ trạm xử lý nước thải (nước rửa ngược thiết bị, máy ép bùn,...), nước thải sinh hoạt của công nhân viên).

- Khí thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng (bao gồm bụi, khí thải từ phương tiện, máy móc thi công xây dựng); khí thải phát sinh từ giai đoạn vận hành (bao gồm bụi, khí thải từ công đoạn nạp liệu, pha trộn hóa chất (bụi từ quá trình bốc xếp nguyên liệu, bụi khí thải từ các phương tiện vận chuyển); khí thải từ các phản ứng điều chế hóa chất; khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu; bụi

từ hệ thống lọc bụi (máy nghiền); hơi hóa chất và mùi hôi từ trạm xử lý nước thải).

- Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại); chất thải rắn từ giai đoạn vận hành (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và bùn thải).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

a). Giai đoạn triển khai xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng khoảng 20 m³/ngày, thành phần chính gồm pH, chất lơ lửng (SS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Photphat (tính theo P), Coliform.

b). Giai đoạn vận hành:

- Nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất (nước thải sản xuất) khoảng 55 m³/ngày, thành phần chính gồm pH, độ màu, chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, tổng Nitơ.

- Nước thải từ lò hơi (nước thải từ khu vực xử lý nước sạch cho lò hơi, nước thải lò hơi...) khoảng 34,6 m³/ngày, thành phần chính gồm các hợp chất kết tủa của Ca²⁺ và Mg²⁺ tạo thành, như CaCO₃, CaSO₄, Ca₂SiO₄, MgCO₃.....

- Nước thải hệ thống khử ion khoảng 144 m³/ngày, thành phần chính gồm Cl⁻, chất lơ lửng (SS).

- Nước xả đáy tháp làm mát khoảng 28,8 m³/ngày, thành phần chính gồm chất rắn hòa tan (TDS) hoặc lơ lửng (TSS).

- Nước thải từ hệ thống lọc nước thô khoảng 21,6 m³/ngày, thành phần chính gồm Cl⁻, chất lơ lửng (SS).

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy khoảng 8,4 m³/ngày, thành phần chính gồm pH, chất lơ lửng (SS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Photphat (tính theo P), Coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của nước mưa chảy tràn: lưu lượng mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích khu vực nhà máy khoảng 0,51 m³/s, thành phần chính gồm các chất lơ lửng (SS).

2.4. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a). Giai đoạn triển khai xây dựng: khí thải từ phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng, thành phần gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, tổng hydrocacbon;

b). Giai đoạn vận hành:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào khu vực nhà máy có chứa bụi, SO₂, NO_x, CO, tổng hydrocacbon;

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy và tác nhân gia keo bằng nhựa thông cho giấy.

- Bụi phát sinh từ máy nghiền thùng chứa nhựa thông.

- Khí thải từ lò hơi đốt khí thiên nhiên có chứa CO_2 , CO.

- Hơi, hóa chất, mùi hôi (H_2S , NH_3) từ hoạt động của trạm xử lý nước thải công suất $350 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Khí thải từ quá trình phân hủy rác thải sinh hoạt (chứa thành phần hữu cơ dễ phân hủy) có chứa chất gây mùi hôi (H_2S).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

a). Giai đoạn triển khai xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân thi công trên công trường với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 106 kg/tháng , gồm các thành phần như: chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, giấy, nhựa, thủy tinh, kim loại,...

- Chất thải rắn xây dựng với khối lượng phát sinh trung bình khoảng 750 kg/tháng , gồm các thành phần như: gỗ, giấy, nhựa, kim loại, xà bần (gạch, xi măng, bê tông),...

b). Giai đoạn vận hành: chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động tại nhà máy khoảng 372 kg/ngày , gồm các thành phần như: phế liệu nhựa, nilông, kim loại, giấy phế liệu, các thành phần khác từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a). Giai đoạn triển khai xây dựng:

- Thùng sơn, hộp sơn phục vụ thi công các hạng mục công trình với khối lượng phát sinh khoảng $224,6 \text{ kg/tháng}$.

- Dầu nhớt thải từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng $4,5 \text{ lít/tháng}$.

- Giẻ lau dính dầu nhớt thải từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng $0,29 \text{ kg/tháng}$.

b). Giai đoạn vận hành:

- Bao bì thải chứa thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì nhựa cứng, nhựa với khối lượng phát sinh khoảng $92,994 \text{ tấn/năm}$.

- Hộp mực in thải từ hoạt động của văn phòng với khối lượng khoảng 38 kg/năm .

- Dầu nhớt thải từ hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng $10,76 \text{ tấn/năm}$.

- Pin, ắc quy thải với khối lượng khoảng 132 kg/năm .

- Than hoạt tính thải với khối lượng phát sinh khoảng 1,9 tấn/năm.
- Bùn thải phát sinh tại Trạm xử lý nước thải với khối lượng trong khoảng 570 - 600 kg/ngày (khoảng 11,4 - 12,0 tấn/tháng) (khoảng 75% là nước).
- Cặn lọc có chứa các thành phần nguy hại với khối lượng phát sinh khoảng 24,3 tấn/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a). Các biện pháp và công trình thu gom và xử lý nước thải của Dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng: nước thải → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị thu gom, xử lý.

- Nước thải thi công xây dựng:

(i). Tiến hành vệ sinh, khơi thông cống rãnh định kỳ tránh ứ đọng nước thải;

(ii). Không thải trực tiếp nước thải có chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng cao vào môi trường;

(iii). Tuân thủ thực hiện các biện pháp kỹ thuật thi công: thi công các hạng mục theo đúng tiến độ/kế hoạch, thực hiện che phủ vật liệu, tránh rửa trôi,...

b). Các biện pháp và công trình thu gom và xử lý nước thải của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất: nước thải → hệ thống thu gom → Trạm XLNT công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm → Trạm XLNT tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 → sông Mỏ Nhát.

- Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày của Dự án: nước thải → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi khí hòa tan (DAF) → Bể anoxic → Bể sục khí → Bể lắng → Bể đệm → Lọc cát → Bộ lọc than hoạt tính → Bể giám sát → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

c). Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng được thu gom bằng các nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành được thu gom và xử lý sơ bộ tại Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9, K_f = 0,9) sau đó thải ra sông Mỏ Nhát.

3.2. Về thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn:

a). Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa chảy tràn qua khu vực của Dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng như sau: (i). Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tạm thời; (ii). Kiểm tra, khơi thông cống rãnh trước khi có mưa lớn; (iii). Che phủ vật liệu thi công nhằm tránh sự rửa trôi và gây ô nhiễm môi trường.

b). Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước và xử lý nước mưa chảy tràn của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau: nước mưa chảy tràn → Hệ thống thu gom (song chắn rác, mương thoát, hố ga) → Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 → sông Mỏ Nhát.

c). Yêu cầu bảo vệ môi trường: toàn bộ nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án được thu gom và xử lý lắng cặn trước khi thoát ra hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

3.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

a). Công trình, biện pháp thu gom và xử lý khí thải của Dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng như sau: (i). Tất cả các máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng đạt các quy chuẩn khí thải; (ii). Thực hiện che chắn, phân khu thi công với các khu vực khác; (iii). Tuân thủ thời gian biểu và các biện pháp tổ chức thi công; (iv). Áp dụng các biện pháp thi công cuốn chiếu.

b). Công trình, biện pháp thu gom và xử lý khí thải của Dự án trong giai đoạn vận hành như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phản ứng điều chế hóa chất: khí thải → Tháp ngưng tụ → Tháp rửa → ống thải.

- Nhiệt, khí thải từ lò hơi: Nhiệt, khí thải → ống khói.

- Biện pháp xử lý mùi hôi từ hoạt động của trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm: (i). Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị; (ii). Thu gom bùn thải và chất thải rắn; (iii). Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm: (i). Bê tông hóa hoặc trải nhựa đường giao thông nội bộ; (ii). Quy hoạch giao thông nhằm tránh tình trạng ách tắc giao thông vào các giờ cao điểm; (iii). Thường xuyên vệ sinh, quét dọn và phun nước mặt đường giao thông trong khuôn viên nhà máy; (iv). Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí;

- Bụi và hơi hóa chất từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ, sử dụng hóa chất, chất phụ gia: (i). Thông gió tự nhiên, thông gió cưỡng bức bằng quạt hút; (ii). Đóng kín thùng hóa chất sau mỗi lần sử dụng và lưu trữ trong kho đảm bảo điều kiện an toàn hóa chất; (iii). Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên; (iv). Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Hệ thống giám sát khí thải tự động liên tục (có camera giám sát) tại 03 vị trí (bao gồm ống thải của tháp rửa khí 1 gắn với lò phản ứng 30 m³ để sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy; ống thải của tháp rửa khí 2 gắn với máy nấu

chảy nhựa thông và máy nghiền thùng chứa nhựa thông để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông; ống thải của tháp rửa khí 3 gắn vào 03 bể để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông) gồm các thiết bị đo các thông số quan trắc theo quy định của pháp luật về quan trắc tự động, liên tục khí thải. Dữ liệu quan trắc được kết nối và truyền tải về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

c). Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Toàn bộ khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, $K_p=1,0$ và $K_v=1,0$.

- Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a). Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải rắn trong giai đoạn triển khai xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng phát sinh sẽ được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa trên công trường với dung tích 120 lít/thùng. Định kỳ 2-3 ngày đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b). Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn vận hành:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích từ 15-30 lít/thùng tại các khu vực sản xuất, văn phòng, được thu gom vận chuyển hàng ngày đến khu vực tập kết rác của Nhà máy .

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa có diện tích 84 m².

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định.

c). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5

năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a). Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn triển khai xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa với dung tích 120 lít/thùng (có dán nhãn và nắp đậy theo quy định). Định kỳ đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b). Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có dung tích 240 lít/thùng (khác màu với chất thải thông thường, có dán nhãn, hình ảnh minh họa và nắp đậy theo quy định) tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 126 m². Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý bùn thải:

a). Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý bùn thải: bùn thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm sẽ được lưu chứa trong các bể chứa bùn của Trạm xử lý nước thải. Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại. Chủ Dự án quản lý và xử lý loại chất thải đã được phân định theo đúng quy định của pháp luật tương ứng với kết quả phân định.

b). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, phân định và xử lý bùn thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi

trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.7. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a). Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn triển khai xây dựng: (i). Bảo dưỡng, bảo trì máy móc định kỳ (1-2 tháng/lần); (ii). Yêu cầu tất cả phương tiện vận tải và máy móc, thiết bị thi công xây dựng đạt quy chuẩn tiếng ồn; (iii). Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại và thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn; (iv). Bố trí tuyến đường vận chuyển và lượng phương tiện ra vào hợp lý; hạn chế hạn chế các hoạt động gây tiếng ồn và độ rung lớn vào ban đêm.

b). Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nhiệt dư: (i). Lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức nhằm thông thoáng cho các phòng, gian máy, nhà xưởng; (ii). Quy hoạch khuôn viên nhà máy hợp lý; (iii). Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

c). Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a). Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó đối với sự cố từ trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm:

- Biện pháp phòng ngừa sự cố từ trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày: (i). Các công trình xử lý phải được tính toán kỹ lưỡng với hệ số an toàn cao để tránh rò rỉ, tràn hoặc vỡ bể; (ii). Phải đảm bảo môi trường và dinh dưỡng cho vi sinh phát triển; (iii). Chuẩn bị các bơm, thiết bị sục khí, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi thiết bị hư hỏng; (iv). Bố trí cán bộ chuyên trách có năng lực và chuyên môn để vận hành và bảo trì Trạm xử lý nước thải.

- Chủ Đầu tư phối hợp với Đơn vị quản lý KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 bố trí bể sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu 01 ngày hoặc bể sự cố có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải ra ngoài môi trường trong trường hợp Trạm xử lý nước thải của Dự án gặp sự cố. Khi nồng độ của bất kỳ thông số chất lượng nước thải nào bất thường hoặc nước thải không đạt yêu cầu đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3, nước thải sẽ được bơm vào bể sự cố, tuần hoàn và tiếp tục xử lý

trong hệ thống. Nếu khắc phục, xử lý chưa đạt hoặc thời gian xử lý vượt quá 01 ngày.đêm, dây chuyền sản xuất của Dự án sẽ ngừng hoạt động.

b). Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu nguy cơ cháy nổ lò hơi: (i). Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị và ghi chép nhật ký vận hành (nhiệt độ, áp suất); (ii). Tuân thủ quy trình vận hành; (iii). Thường xuyên huấn luyện cho công nhân và đội phòng chống sự cố khả năng giải quyết tại chỗ và quy trình, thủ tục ứng phó sự cố khẩn cấp; (iv). Trang bị các biển báo, thiết bị PCCC và quy trình ứng phó được dán tại nơi làm việc.

c). Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố khác:

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy và chữa cháy.

- Xả khẩn cấp dung dịch và hơi do phản ứng bất thường: do phản ứng bất thường nên có khả năng phải xả khẩn cấp. Nguyên nhân của các phản ứng bất thường bao gồm việc chuẩn bị nguyên liệu không chính xác và những rắc rối trong việc kiểm soát nhiệt độ phản ứng. Để ngăn chặn tình trạng này, số lượng nguyên liệu được xác nhận bởi hai hoặc nhiều người tại thời điểm chuẩn bị. Việc kiểm soát nhiệt độ phản ứng được thực hiện bởi hệ thống quản lý các phản ứng và giám sát liên tục bởi nhân viên vận hành.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

4.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn:

- Hồ ga: có song chắn rác kích thước 600x600 mm (có lưới thép mạ kẽm ở mỗi 20m) với giá đỡ rác để giữ chất thải có kích thước lớn trước khi thải vào cống thoát nước;

- Mương thoát nước: bao gồm máng xối bằng gạch W300, mương thu nước bê tông thông thường và mương thu nước bê tông chịu lực (đặt cách nhau 5m).

4.2. Hệ thống thu gom, thoát nước, Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày.đêm và bể sự cố

- Hệ thống mương thu gom và thoát nước thải bằng nhựa PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Thông số kỹ thuật chi tiết của các hợp phần của Trạm xử lý nước thải như bảng sau:

Stt	Hạng mục	Số lượng	Thể tích, diện tích theo tính toán
1	Bể chứa nước có thải nồng độ cao	1	190,50 m ³
2	Bể điều hòa	1	322,32 m ³
3	Bể anoxic	1	246,48 m ³
4	Bể sục khí	1	357,87 m ³
5	Bể lắng	1	150,00 m ³
6	Bể đệm	1	17,94 m ³
7	Bể giám sát	1	18,33 m ³
8	Bể chứa bùn	1	36,00 m ³
9	Phòng điều khiển	1	23 m ²
10	Phòng để máy thổi khí	1	21 m ²
11	Phòng chứa hóa chất	1	25 m ²

4.2. Hệ thống thu gom và xử lý khí thải

- Thông số kỹ thuật chi tiết của các hợp phần của hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy như bảng sau:

Stt	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Số lượng
1	Tháp ngưng tụ 1	- Thể tích: 30 m ³ - Loại: Vỏ & ống	1
2	Tháp rửa khí 1	- Vật liệu: SUS304/FRP/PVC - Lưu lượng dòng khí: 100m ³ /min - Lưu lượng dòng nước: 600L/phút - Đường kính: φ 1,300	1

- Thông số kỹ thuật chi tiết của các hợp phần của hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông như bảng sau:

Stt	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Số lượng
1	Tháp ngưng tụ 2	- Thể tích: 15 m ³ - Loại: Vỏ & ống	1
2	Tháp rửa khí 2	- Lưu lượng dòng khí: 100m ³ /min - Lưu lượng dòng nước: 230L/phút - Đường kính: φ 1,300	1
2	Tháp rửa khí 3	- Lưu lượng dòng khí: 100m ³ /min - Lưu lượng dòng nước: 600L/phút - Đường kính: φ 1,300	1

4.3. Kho lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Bố trí 05 thùng chứa rác thải sinh hoạt dung tích từ 15 - 30 lít/thùng tại khu vực văn phòng làm việc, dọc hành lang, căn-tin... Đến cuối ngày làm việc, nhân viên thu gom rác và vận chuyển về khu vực tập trung chất thải sinh hoạt của nhà máy.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom về kho chứa có diện tích 210 m². Trong đó, khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 84 m² và khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 126 m². Kho chứa được thiết theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT (mặt sàn đảm bảo kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được trang bị thiết bị như bình chữa cháy tại chỗ, cát).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng

- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần và chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm, tại kho tạm thời lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

(1). Chương trình quản lý và giám sát nước thải sản xuất:

a). Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải:

Tần suất và thông số giám sát: theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi

tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định của pháp luật liên quan, cụ thể:

- Vị trí và thông số giám sát:

+ Vị trí 01: nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải. Thông số giám sát: Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua.

+ Vị trí 02: nước thải đầu ra của công đoạn xử lý hóa lý bậc 1 (bể điều hòa, bể điều chỉnh pH, bể keo tụ, bể tạo bông, bể tuyển nổi khí hòa tan) - đầu vào của công đoạn xử lý sinh học (bể Anoxic, bể hiếu khí, bể lắng), tại vị trí sau bể tuyển nổi khí hòa tan. Thông số giám sát: Nhiệt độ, Độ màu, pH, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.

+ Vị trí 03: nước thải đầu ra của công đoạn xử lý sinh học - đầu vào của công đoạn xử lý cơ lý (bể đệm, lọc cát, bộ lọc than hoạt tính, bể giám sát), tại vị trí sau bể lắng. Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, sulfua.

+ Vị trí 04: nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3. Thông số giám sát: Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua.

- Quy chuẩn so sánh: tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

b). Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

Tần suất và thông số giám sát: theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định của pháp luật liên quan, cụ thể:

- Vị trí giám sát: 02 điểm

+ Vị trí 01: đầu vào Trạm xử lý nước thải.

+ Vị trí 02: đầu ra của Trạm xử lý nước thải (trước khi dẫn vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Clorua.

- Quy chuẩn so sánh: các thông số so sánh với tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

(2). Chương trình quản lý và giám sát chất lượng khí thải:

a). Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý khí thải:

Tần suất và thông số giám sát: theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định của pháp luật liên quan, cụ thể:

- Vị trí và thông số giám sát:

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 1 gắn với lò phản ứng 30 m³ để sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy. Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, H₂SO₄, và NH₃.

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 2 gắn với máy trộn nhựa thông và máy nghiền thùng chứa nhựa thông để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông. Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO...

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 3 gắn vào ba (03) bể để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông. Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x, và CO.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

b). Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải:

Tần suất và thông số giám sát: theo quy định của Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định của pháp luật liên quan, cụ thể:

- Vị trí giám sát:

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 1 gắn với lò phản ứng 30 m³ để sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy.

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 2 gắn với máy trộn nhựa thông và máy nghiền thùng chứa nhựa thông để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông.

+ Một (01) điểm tại ống thải của tháp rửa khí 3 gắn vào ba (03) bể để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông.

- Thông số giám sát: thực hiện theo quy chuẩn so sánh về khí thải.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

(3). Chương trình quản lý và giám sát chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: 03 lần/giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Vị trí giám sát: tại kho lưu trữ chất thải (chất thải rắn thông thường và CTNH).

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn vận hành thương mại

(1). Chương trình quản lý và giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm, trong đó 01 điểm tại vị trí nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 350 m³/ngày và 01 điểm tại vị trí nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải (trước khi đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Độ màu, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng Nitơ, Tổng photpho (tính theo P), Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Clorua.

- Quy chuẩn áp dụng: tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

(2). Chương trình quản lý và giám sát chất lượng khí thải:

a). Giám sát định kỳ

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: tại ống thải của tháp rửa khí 1 gắn với lò phản ứng 30 m³ để sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy.

- Thông số giám sát: H₂SO₄ và NH₃.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

b). Giám sát tự động

- Tần suất giám sát: tự động, liên tục và truyền dữ liệu về cơ quan có thẩm quyền quản lý.

- Vị trí và thông số giám sát:

+ Hệ thống 1: tại ống thải của tháp rửa khí 1 gắn với lò phản ứng 30 m³ để sản xuất chất tăng độ bền khô cho giấy. Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.

+ Hệ thống 2: tại ống thải của tháp rửa khí 2 gắn với máy nấu chảy nhựa thông và máy nghiền thùng chứa nhựa thông để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông. Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.

+ Hệ thống 3: tại ống thải của tháp rửa khí 3 gắn vào 03 bể để sản xuất tác nhân gia keo bằng nhựa thông; Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1,0 và Kv=1

tự động liên tục:

(3). Chương trình quản lý và giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm, trong đó 01 điểm tại khu vực cổng ra và nhà máy và 01 điểm trong khuôn viên nhà máy (gần khu vực chứa hóa chất).

- Thông số giám sát: NH_3 , tổng hydrocacbon (C_nH_n).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

(4). Chương trình quản lý và giám sát chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: tại kho lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và CTNH).

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Phối hợp với Ban quản lý KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN và của Dự án.

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định.

- Không nhập khẩu hóa chất nằm trong danh mục các chất bị cấm nhập khẩu hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố hóa chất và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Dự án đạt tiêu chuẩn đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3.

- Thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của Dự án bảo đảm đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$ và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$.

- Quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn và bùn thải từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia thi công xây dựng và vận hành Dự án./.

CÔNG AN TỈNH BR – VT
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 04 năm 2022.

Tại công trình: Nhà máy Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.

Địa chỉ: đường N2, lô D4, KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh BR -VT:

- Thượng tá Nguyễn Ngọc Phi – Trưởng phòng;
- Thiếu tá Phạm Võ Lợi – Cán bộ;
- Trung úy Nguyễn Thị Nga – Cán bộ;
- Trung úy Trần Quang Lậm – Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Nhà máy Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam theo đề nghị của chủ đầu tư và kế hoạch kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam.

- Ông: Matsushita Kazuyoshi – Giám đốc Nhà Máy.

Đại diện đơn vị Tổng thầu EPC: Công ty TNHH Idemitsu Engineering Việt Nam.

- Ông: Okubo Ikuo – Tổng Giám đốc.

Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH Một thành viên Bảo Đạt.

- Ông: Lê Viết Nam – Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. BÁO CÁO CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

Tại buổi kiểm tra, Chủ đầu tư báo cáo kết quả thi công, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và nghiệm thu các hệ thống, thiết bị và giải pháp PCCC như sau:

1.1 Quy mô công trình:



Công trình Nhà máy Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam xây dựng trên khu đất có tổng diện tích đất là 30.000m² tại đường N2, lô D4, KCN Chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BR-VT, gồm các hạng mục:

- Nhà gia công, diện tích xây dựng 750,16m², quy mô 03 tầng;
- Nhà văn phòng, diện tích xây dựng 783m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kiểm soát, diện tích xây dựng 51m², quy mô 03 tầng;
- Nhà kho vật tư, diện tích xây dựng 400m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kho thành phẩm, diện tích xây dựng 300m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kho hóa chất, diện tích xây dựng 152m², quy mô 01 tầng;
- Nhà máy nấu chảy nhựa thông, diện tích xây dựng 97,75m², quy mô 01 tầng và bán hầm;

- Bể khẩn cấp, diện tích xây dựng 82,56m²;
- Nhà điện 1, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Nhà điện 2, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Nhà điện 3, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Bể chứa hóa chất, diện tích xây dựng 136,59m²;
- Bể sản xuất, diện tích xây dựng 433,91m²;
- Bể chứa nguyên liệu, diện tích xây dựng 312,16m²;
- Các hạng mục phụ trợ: nhà bảo vệ (48m²), nhà điện cho sản xuất (65,88m²), nhà nồi hơi (130m²), nhà bơm PCCC (70m²), nhà điện & máy phát điện (185,65m²), nhà máy khí nén (40m²), khu xử lý nước thải (100,97m²), nhà rác (210m²), nhà xe ô tô nhân viên (62,5m²), nhà xe máy (75m²), nhà năng lượng & vệ sinh (74,2m²), khu tập kết nhựa thông (627m²), khu xử lý nước sạch (229,2m²), khu đậu xe bồn (351m²), trạm Nitơ (18m²), khu vực máy làm lạnh (85m²), trạm CNG (88m²), tháp giải nhiệt (71,13m²), trạm cân (90m²), bãi xe ô tô khách (62,5m²), bãi đậu xe bốc dỡ hàng (209m²), hệ thống cầu ống

- Hệ thống PCCC bao gồm: Hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống chữa cháy tự động Spinkler sử dụng chất chữa cháy Foam; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống thông gió thoát khói, tăng áp buồng thang nhà sản xuất 03 tầng; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn, phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Về thời gian thi công hạng mục từ tháng 01/10/2020 đến 05/4/2022. Trong quá trình thi công xây dựng, Chủ đầu tư và các đơn vị thi công luôn đảm bảo an toàn về PCCC, không để xảy ra sự cố cháy, nổ.

1.2 Đánh giá về kết quả thi công, nghiệm thu: Chủ đầu tư và các đơn vị thi công cam kết và khẳng định về kết quả thi công, nghiệm thu về PCCC cho công trình đảm bảo theo đúng quy định, cụ thể như sau:

1.2.1 Về hồ sơ nghiệm thu, hoàn công: Đã bảo đảm số lượng, thành phần quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

1.2.2 Về công tác thi công, lắp đặt: Đã thi công các hạng mục thuộc phạm vi nghiệm thu bảo đảm theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hệ thống đã được kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm và đang chạy thử hoạt động tốt:

- Về phần thi công xây dựng: (giao thông phục vụ chữa cháy, bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan, bố trí công năng, lối và đường thoát nạn)

- Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy: đảm bảo.

- Về khoảng cách an toàn PCCC: đảm bảo.

- Về bậc chịu lửa và bố trí công năng liên quan đến PCCC:

- + Bậc chịu lửa: Công trình được xây dựng đảm bảo theo nội dung đã được thẩm duyệt.

- + Bố trí công năng: Đã bố trí đúng theo thiết kế được duyệt.

- Về giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan: Đã thi công theo thiết kế.

- Lối, đường thoát nạn: Đã thi công theo thiết kế.

1.2.3 Về các hệ thống, giải pháp về PCCC: Hệ thống chữa cháy bằng nước, hệ thống chữa cháy tự động Spinkler bằng Foam; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống thông gió thoát khói, tăng áp buồng thang nhà sản xuất, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn, phương tiện chữa cháy ban đầu đã thi công theo thiết kế.

1.2.4 Về nguồn nước phục vụ chữa cháy: bể nước chữa cháy gần trạm bơm chữa cháy có thể tích dự trữ 750m³.

1.3 Chủ đầu tư và các đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả nghiệm thu của mình. Đồng thời đề nghị đoàn tiến hành kiểm tra để đánh giá nghiệm thu về PCCC của công trình.

II. KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Kiểm tra thành phần hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư và các đơn vị thi công chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 261/TD-PCCC ngày 22 tháng 9 năm 2020 và công văn điều chỉnh một số hạng mục liên quan PCCC số: 257/TD-PCCC&CNCH ngày 31/3/2022 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 1646/KĐ-PCCC-P7 ngày 22/3/2022 và số 13196/KĐ-PCCC-P7 ngày 09/11/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện tủ báo cháy, đầu báo cháy, nút ấn, chuông báo cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 353/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 16/6/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP Hồ Chí Minh cấp cho lô phương tiện nút ấn báo cháy địa chỉ lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 12162/KĐ-PCCC-P7 ngày 23/9/2021, số 12235/KĐ-PCCC-P7 ngày 28/9/2021, số 8256/KĐ-PCCC-P7 ngày 28/4/2021, số 8810/KĐ-PCCC-P7 ngày 08/6/2021, số 14158/KĐ-PCCC-P7 ngày 15/12/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện van tràn ngập, công tác dòng chảy, van báo động, đầu phun chữa cháy, lăng phun chữa cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 995/KĐ-PCCC-P7 ngày 18/2/2022 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện máy bơm chữa cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 26/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 20/01/2022, số 470/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 04/11/2021, số 474/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 04/11/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP Hồ Chí Minh cấp cho lô phương tiện vòi chữa cháy, đầu nổi chữa cháy, van báo động chữa cháy, lăng chữa cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 13274/KĐ-PCCC-P7 ngày 17/11/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện bình chữa cháy tự động dạng treo lắp đặt tại cầu thang bộ và cửa phòng kỹ thuật tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 418/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 12/10/2021, số 419/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 12/10/2021, số 341/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 11/6/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP Hồ Chí Minh cấp cho lô phương tiện bình chữa cháy, vòi chữa cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 494/KĐ-PCCC-Đ2 ngày 25/11/2021 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an TP Hồ Chí Minh cấp cho lô phương tiện đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 13032/KĐ-PCCC-P7 ngày 29/10/2021 và số 8662/KĐ-PCCC-P7 ngày 28/5/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 12614/KĐ-PCCC-P7 ngày 12/10/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện của đi chống cháy lắp đặt tại cầu thang bộ nhà sản xuất 03 tầng kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Bản sao GCN KĐPT PCCC số 13517/KĐ-PCCC-P7 ngày 02/12/2021 do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cấp cho lô phương tiện chất tạo bọt chữa cháy lắp đặt tại công trình kèm theo hóa đơn chứng từ;

- Kết quả đo điện trở chống sét số 92/NĐ-CNII ngày 26 tháng 01 năm 2022 do Trung tâm Kiểm định Công nghiệp II – Bộ Công thương đo tại công trình đảm bảo yêu cầu.

- Các Biên bản nghiệm thu vật tư đầu vào, lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC gồm: Các biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; Các biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị; Các biên bản thử nghiệm đơn động; Biên bản thử nghiệm liên động của hệ thống; Biên bản nghiệm thu tổng thể các hạng mục, hệ thống PCCC.

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC và các hạng mục liên quan đến PCCC;

- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống PCCC của công trình;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục, hệ thống liên quan đến phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC.

Nhận xét đánh giá:

- Thành phần hồ sơ đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư chuẩn bị theo quy định tại điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của chính phủ đã đầy đủ theo đúng quy định.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ, THỬ NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG PCCC VÀ HỆ THỐNG LIÊN QUAN ĐẾN PCCC

3.1. Đường giao thông, bãi đỗ phục vụ cho xe chữa cháy:

- Phía trước công trình: có 01 lối vào từ đường nhựa có chiều rộng > 3,5m, chiều cao không hạn chế, mặt đường chịu được tải trọng đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động, tiếp cận được.

- Bên trong công trình: có các đường giao thông có chiều rộng > 3,5m, có các kết cấu chặn phía trên với chiều cao trên 4,5m; mặt đường chịu được tải trọng đảm bảo cho xe chữa cháy hoạt động, tiếp cận được.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra đường giao thông, bãi đỗ xe phục vụ cho xe chữa cháy đã được thi công đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế, kích thước của đường cho xe chữa cháy đảm bảo theo quy định.

3.2. Khoảng cách an toàn PCCC:

- Khoảng cách PCCC từ công trình đến các hạng mục công trình tiếp giáp đảm bảo theo nội dung đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

- Khoảng cách PCCC giữa công trình với các hạng mục công trình khác đảm bảo theo nội dung thẩm duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra khoảng cách PCCC giữa các hạng mục trong công trình đã được thi công đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và đảm bảo theo quy định.

3.3. Bậc chịu lửa:

- Khối nhà chính cao 03 tầng được xây dựng bằng kết cấu bê tông cốt thép, mái đỡ, lợp tôn bậc chịu lửa nhà bậc II.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra các hạng mục xây dựng trong công trình đã được thi công đúng với nội dung đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Bậc chịu lửa của nhà và công trình đảm bảo theo đúng quy định.

3.4. Bố trí công năng:

- Nhà gia công, diện tích xây dựng 750,16m², quy mô 03 tầng;
- Nhà văn phòng, diện tích xây dựng 783m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kiểm soát, diện tích xây dựng 51m², quy mô 03 tầng;
- Nhà kho vật tư, diện tích xây dựng 400m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kho thành phẩm, diện tích xây dựng 300m², quy mô 01 tầng;
- Nhà kho hóa chất, diện tích xây dựng 152m², quy mô 01 tầng;
- Nhà máy nấu chảy nhựa thông, diện tích xây dựng 97,75m², quy mô 01 tầng và bán hầm;
- Bể khẩn cấp, diện tích xây dựng 82,56m²;
- Nhà điện 1, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Nhà điện 2, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Nhà điện 3, diện tích xây dựng 7,87m², quy mô 01 tầng;
- Bể chứa hóa chất, diện tích xây dựng 136,59m²;
- Bể sản xuất, diện tích xây dựng 433,91m²;
- Bể chứa nguyên liệu, diện tích xây dựng 312,16m²;

- Các hạng mục phụ trợ: nhà bảo vệ (48m^2), nhà điện cho sản xuất ($65,88\text{m}^2$), nhà nồi hơi (130m^2), nhà bơm PCCC (70m^2), nhà điện & máy phát điện ($185,65\text{m}^2$), nhà máy khí nén (40m^2), khu xử lý nước thải ($100,97\text{m}^2$), nhà rác (210m^2), nhà xe ô tô nhân viên ($62,5\text{m}^2$), nhà xe máy (75m^2), nhà năng lượng & vệ sinh ($74,2\text{m}^2$), khu tập kết nhựa thông (627m^2), khu xử lý nước sạch ($229,2\text{m}^2$), khu đậu xe bồn (351m^2), trạm Nitơ (18m^2), khu vực máy làm lạnh (85m^2), trạm CNG (88m^2), tháp giải nhiệt ($71,13\text{m}^2$), trạm cân (90m^2), bãi xe ô tô khách ($62,5\text{m}^2$), bãi đậu xe bốc dỡ hàng (209m^2), hệ thống cầu ống.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra việc bố trí công năng trong công trình đảm bảo theo bản vẽ đã được thẩm duyệt.

3.5. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan:

- Diện tích khoang cháy từng công trình và từng tầng nhà gia công chính đảm bảo theo nội dung phê duyệt.

Nhận xét, đánh giá: Giải pháp ngăn cháy của công trình đã được thực hiện, thi công theo nội dung đã được thẩm duyệt thiết kế.

3.6. Lối, đường thoát nạn:

- Các lối thoát nạn từ các gian phòng, kho tại tầng 1 thoát trực tiếp ra bên ngoài; số lối thoát nạn từ các tầng nhà sản xuất là 02 lối qua cầu thang bộ loại N2; số lối thoát nạn các gian phòng là 01 lối.

- Tại thời điểm kiểm tra lối và đường thoát nạn thông thoáng, không bị cản trở bởi vật cản.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra lối và đường thoát nạn của công trình đã được thi công theo đúng nội dung đã được phê duyệt.

3.7. Hệ thống báo cháy tự động:

- Hệ thống báo cháy tự động gồm tủ báo cháy địa chỉ 02 loops (Dự phòng mở rộng thêm 02 loops), các đầu báo cháy nhiệt, đầu báo cháy khói, chuông đèn nút ấn báo cháy...

- Kiểm tra thi công lắp đặt nút ấn báo cháy, chuông đèn báo cháy, đầu báo cháy, tủ trung tâm báo cháy, dây tín hiệu của hệ thống báo cháy: Đã thi công theo đúng nội dung đã được thẩm duyệt và thay đổi thiết kế về PCCC.

- Kiểm tra thử nghiệm hoạt động của hệ thống báo cháy (nút ấn, đầu báo cháy): kiểm tra xác xuất hoạt động các đầu tại các nhà kho, nhà văn phòng, các tầng 1, tầng 02 nhà gia công; nút ấn báo cháy cũng tại các địa điểm nêu trên=> kết quả hệ thống báo cháy hoạt động đảm bảo yêu cầu, hệ thống chuông đèn cảnh báo phát tín hiệu cảnh báo. Phương tiện đã dán tem kiểm định về PCCC theo đúng quy định.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống báo cháy tự động của công trình đã được thi công đúng với nội dung đã được thẩm duyệt thiết kế, hệ thống hoạt động đúng chức năng, phương tiện đã dán tem kiểm định về PCCC theo đúng quy định.

3.8. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn của công trình được trang bị trên các lối đi thoát nạn, hành lang thoát nạn.

- Nguồn điện cấp: nguồn cấp đèn chiếu sáng sự cố là nguồn không ưu tiên, nguồn cấp cho đèn chỉ dẫn thoát nạn là nguồn ưu tiên; các đèn này đều có nguồn dự phòng 2 giờ;

- Kiểm tra, thử nghiệm: Kiểm tra hoạt động của các đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn này bằng cách ngắt nguồn điện cấp cho hệ thống đèn này bằng cách ngắt điện cấp hệ thống đèn chiếu sáng sự cố hoạt động bình thường, đảm bảo yêu cầu.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn của công trình đã được thi công theo đúng bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố hoạt động đúng chức năng.

3.9. Hệ thống chữa cháy bằng nước và chữa cháy tự động bằng Foam:

*Trạm bơm: đặt tại khu vực kỹ thuật của công trình gồm 01 bơm điện trực đứng có lưu lượng $Q = 108 - 720 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 102 - 53 \text{ mcn}$; 01 bơm diesel trực đứng có lưu lượng $Q = 130 - 720 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 96 - 58 \text{ mcn}$; 01 máy bơm điện bù áp có lưu lượng $Q = 2,4 - 8,5 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 109 - 49,1 \text{ mcn}$

- Bể nước PCCC theo báo cáo của chủ đầu tư có khối tích 750 m^3 .

* Hệ thống chữa cháy bằng nước và Foam gồm: hệ thống chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler được lắp đặt cho toàn bộ công trình theo các nội dung đã được phê duyệt.

- Các trụ tiếp nước, trụ chữa cháy, họng nước vách tường thi công lắp đặt đảm bảo theo thiết kế được thẩm duyệt.

*Kiểm tra thử nghiệm: Thử nghiệm xác xuất hoạt động các hệ thống.

- Đối với hệ thống chữa cháy vách tường thử 02 họng vách tường tại khu vực xa trạm bơm chữa cháy.

- Kiểm tra hoạt động của hệ thống chữa cháy tự động spinkler chữa cháy bằng Foam bằng cách thử hoạt động của 02 đầu phun spinkler tại khu vực nhà kho bằng phương pháp kích hoạt 02 đầu báo cháy, kết quả hệ thống hoạt động bình thường, đúng chức năng.

Kết quả các hệ thống hoạt động, lưu lượng và cột áp đảm bảo yêu cầu để chữa cháy, các bơm chữa cháy hoạt động bình thường.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chữa cháy bằng nước và bằng Foam của công trình đã được thi công đúng với nội dung đã được thẩm duyệt thiết kế, hệ thống hoạt động đúng chức năng, phương tiện đã dán tem kiểm định về PCCC theo đúng quy định.

3.10. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Công trình trang bị các loại bình gồm: bình bột loại ABC 8kg và xe đẩy 35kg, bình khí CO₂ loại 5 kg với hộp đựng phương tiện các hạng mục công trình;
- Các bình chữa cháy xách tay bố trí phân tán toàn bộ công trình theo thiết kế, đã dán tem kiểm định về PCCC, áp lực nạp bình đảm bảo yêu cầu

Nhận xét, đánh giá: Phương tiện chữa cháy ban đầu của công trình được trang bị đảm bảo yêu cầu, phương tiện lắp đặt đã được kiểm định về PCCC.

3.11. Hệ thống chống sét đánh thẳng

- Hệ thống chống sét đánh thẳng của công trình gồm 03 kim thu sét có bán kính bảo vệ 97m; hệ thống dây dẫn thoát sét, bãi tiếp địa, hộp đo điện trở chống sét thi công đảm bảo theo thiết kế đã được phê duyệt.

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã thi công hệ thống chống sét đánh thẳng và đã tổ chức đo điện trở chống sét thể hiện tại Kết quả đo điện trở chống sét số 92/NĐ-CNII ngày 26 tháng 01 năm 2022 do Trung tâm Kiểm định Công nghiệp II – Bộ Công thương đo tại công trình đảm bảo yêu cầu.

Nhận xét, đánh giá: Hệ thống chống sét đánh thẳng của công trình đã được thi công theo nội dung thiết kế đã được phê duyệt, đã tiến hành đo điện trở chống sét có kết quả đo đảm bảo yêu cầu.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

- Chủ đầu tư và các đơn vị thi công đã tổ chức thi công các hạng mục công trình, hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan, tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã hoạt động theo chức năng.

- Kết quả kiểm tra tại biên bản này là một trong các căn cứ để Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xem xét, ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình theo quy định tại khoản 8 Điều 15 của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kiến nghị

- Công trình chỉ được đưa vào hoạt động khi được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị sở hữu và đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng, diện tích đã được thẩm duyệt, đồng thời tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009 và quy định của pháp luật, duy trì liên tục chế độ hoạt động của hệ thống PCCC như tại thời điểm kiểm tra.

- Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan tập hợp và lưu trữ hồ sơ theo quy định, đồng thời chịu trách nhiệm về tính xác thực, phù hợp của hồ sơ nghiệm thu về PCCC và việc thi công, lắp đặt hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về PCCC theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Việc kiểm tra của cơ quan cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định.

- Tổ chức hướng dẫn sử dụng các phương tiện hệ thống PCCC cho đơn vị sử dụng công trình;

- Đề nghị chủ đầu tư lập nhật hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC theo hướng dẫn tại điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

Biên bản được lập xong hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 10 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



MATSUSHITA KAZUYOSHI

Giám đốc nhà máy

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA



Thượng tá Nguyễn Ngọc Phi

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG PCCC



LÊ VIỆT NAM

Giám đốc

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TỔNG THẦU EPC



OKUBO IKUO

Tổng giám đốc

PHÒNG VIẾT NAM 316

**CÔNG TY TNHH SEIKO
PMC VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2022/QĐ-HC

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 4 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập đội Phòng cháy chữa cháy và Ứng phó sự cố Hóa chất

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM

Căn cứ vào Luật hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội.

Căn cứ vào Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

Căn cứ vào Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương về quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của đơn vị và các quy định của cơ quan chức năng trong việc bảo đảm An toàn hóa chất.

Xét đề nghị của Phòng quản lý An toàn sức khỏe môi trường thuộc Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam về việc thành lập Đội Phòng cháy chữa cháy và Ứng phó sự cố Hóa chất tại công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Trách nhiệm và quyền lợi của Đội Phòng cháy chữa cháy và Ứng phó sự cố Hóa chất:

- Bảo quản tốt các dụng cụ và thiết bị xử lý sự cố;
- Là lực lượng chính cứu người bị nạn và phối hợp thực hiện với các đơn vị chức năng của xưởng, nhà máy khi xảy ra sự cố và định kỳ tham gia huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố;
- Chuẩn bị các dụng cụ và thiết bị xử lý sự cố, phương tiện bảo hộ cá nhân để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ huy của Đội trưởng. Tuân thủ sự chỉ đạo của chỉ huy khi có sự cố xảy ra;
- Những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sẽ được kịp thời khen thưởng và có hình thức kỷ luật phù hợp đối với cá nhân vi phạm.

Điều 2: Danh sách Đội Phòng cháy chữa cháy và Ứng phó sự cố Hóa chất gồm các cá nhân có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1.	Kawasumi Koichi	Tổng giám đốc	0917-594-469
2.	Matsushita Kazuyoshi	Giám đốc nhà máy	0917-594-169
3.	Morikami Naonori	Phó giám đốc nhà máy	0915-496-297
4.	Nobukuni Shigeki	Trưởng phòng an toàn	0915-497-593

		môi trường và quản lý chất lượng	
5.	Aiuchi Masayuki	Trưởng phòng phụ trách DCS	0915-496-583
6.	Yamamura Fumikazu	Trưởng phòng quản lý thiết bị	0917-579-371
7.	Phan Văn Tuyên	Phó phòng sản xuất	0909-486-199
8.	Trần Thanh Hà	Giám sát nhà máy	0765-291-004
9.	Võ Thị Giang	Quản lý công đoạn	0353-972-426
10.	Nguyễn Ngọc Lân	Tổ trưởng	0793-333-031
11.	Nguyễn Đạt	Tổ trưởng	0963-212-524
12.	Dương Thị Lan	Nhân viên quản lý sản phẩm / nguyên liệu	0357-399-454
13.	Nguyễn Thị Thùy	Nhân viên quản lý sản phẩm / nguyên liệu	0961-341-505
14.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Nhân viên quản lý sản phẩm / nguyên liệu	0962-139-518
15.	Lý Ngọc Hậu	Tổ trưởng	0787-735-273

Điều 3: Các phòng ban chức năng thuộc công ty và các thành viên có tên như Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc công ty;
- Lưu các phòng ban của công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



KAWASUMI KOICHI



Số: 1226/22-CV /SPMCV

V/v Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Thị xã Phú Mỹ, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
- Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
- Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ

12/02/23
Phan

Chúng tôi là: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 9931434538 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2019, cấp đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 27/12/2019 cấp đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Giấy phép môi trường số: 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định tại Điều 108, Điều 109 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, theo đó yêu cầu Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp.

Thực hiện quy định trên Công văn số 2720/BQL-MT ngày 26/9/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Nhà máy đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định và kính gửi đến các cơ quan liên quan.

Rất mong nhận được ý kiến phản hồi góp ý của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của Nhà máy ngày càng hoàn thiện.



Đính kèm công văn này các hồ sơ gồm

- 01 bản sao Quyết định về việc ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất số: 14-16-2022 do Sở Công thương phê duyệt
- 01 Cuốn kế hoạch ứng phó dự cố môi trường của nhà máy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC



是

KAWASUMI KOICHI



Số: 1226/22-QĐ/SPMCV

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành kế hoạch phòng ngừa sự cố môi trường
cho Công Ty TNHH Seiko PMC Việt Nam**

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH SEIKO PMC VIỆT NAM

Căn cứ luật Bảo vệ Môi trường 72/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ luật Phòng cháy và Chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;

Căn cứ bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế tại **Công Ty TNHH Seiko PMC Việt Nam**.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận đã hoàn thành việc xây dựng nội dung kế hoạch phòng ngừa sự cố môi trường cho Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam tại địa chỉ: Lô D4 đường N2, khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2: Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, cất giữ, hóa chất nguy hiểm các cá nhân có liên quan phải bảo đảm đúng các nội dung đề ra tại kế hoạch đã phê duyệt.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
- Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
- Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ
- Lưu văn phòng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



KAWASUMI KOICHI

Số: 1226/22-CV /SPMCV

V/v Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Thị xã Phú Mỹ, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Công ty CP Thanh Bình Phú Mỹ
nhận lúc 10'55 ngày 12/01/2023*
- Nguyễn Thị Minh Phượng*
- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
 - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
 - Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ

Chúng tôi là: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 9931434538 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2019, cấp đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 27/12/2019 cấp đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Giấy phép môi trường số: 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định tại Điều 108, Điều 109 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, theo đó yêu cầu Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp.

Thực hiện quy định trên Công văn số 2720/BQL-MT ngày 26/9/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Nhà máy đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định và kính gửi đến các cơ quan liên quan.

Rất mong nhận được ý kiến phản hồi góp ý của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của Nhà máy ngày càng hoàn thiện.



Đính kèm công văn này các hồ sơ gồm

- 01 bản sao Quyết định về việc ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất số: 14-16-2022 do Sở Công thương phê duyệt
- 01 Cuốn kế hoạch ứng phó dự cố môi trường của nhà máy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC



是—

KAWASUMI KOICHI



Số:1226/22-CV /SPMCV

Về Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Thị xã Phú Mỹ, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
- Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
- Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ

Chúng tôi là: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 9931434538 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2019, cấp đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 27/12/2019 cấp đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Giấy phép môi trường số: 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định tại Điều 108, Điều 109 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, theo đó yêu cầu Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp.

Thực hiện quy định trên Công văn số 2720/BQL-MT ngày 26/9/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Nhà máy đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định và kính gửi đến các cơ quan liên quan.

Rất mong nhận được ý kiến phản hồi góp ý của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của Nhà máy ngày càng hoàn thiện.

Đính kèm công văn này các hồ sơ gồm

- 01 bản sao Quyết định về việc ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất số: 14-16-2022 do Sở Công thương phê duyệt
- 01 Cuốn kế hoạch ứng phó dự cố môi trường của nhà máy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC



是

KAWASUMI KOICHI



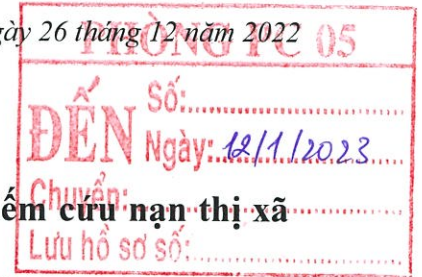
Số: 1226/22-CV /SPMCV

V/v Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

Thị xã Phú Mỹ, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
- Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
- Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ



Chúng tôi là: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 9931434538 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2019, cấp đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 27/12/2019 cấp đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Giấy phép môi trường số: 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định tại Điều 108, Điều 109 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, theo đó yêu cầu Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp.

Thực hiện quy định trên Công văn số 2720/BQL-MT ngày 26/9/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Nhà máy đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định và kính gửi đến các cơ quan liên quan.

Rất mong nhận được ý kiến phản hồi góp ý của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của Nhà máy ngày càng hoàn thiện.



Đính kèm công văn này các hồ sơ gồm

- 01 bản sao Quyết định về việc ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất số: 14-16-2022 do Sở Công thương phê duyệt
- 01 Cuốn kế hoạch ứng phó dự cố môi trường của nhà máy.

Nơi nhận:

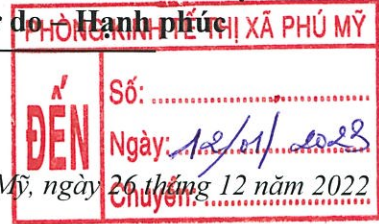
- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC



KAWASUMI KOICHI





Thị xã Phú Mỹ, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân phường Phước Hòa
- Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thị xã Phú Mỹ
- Phòng cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ

Chúng tôi là: Công ty TNHH Seiko PMC Việt Nam, Chủ đầu tư dự án “Nhà máy sản xuất hóa chất ngành giấy Seiko PMC Việt Nam công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” tại Đường N2, Lô D4, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 9931434538 do Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 12/12/2019, cấp đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 03 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502414641 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 27/12/2019 cấp đổi lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

- Giấy phép môi trường số: 204/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường.

Theo quy định tại Điều 108, Điều 109 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, theo đó yêu cầu Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cung cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã, ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện và Ban quản lý các khu công nghiệp.

Thực hiện quy định trên Công văn số 2720/BQL-MT ngày 26/9/2022 của Ban Quản lý các KCN về việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Nhà máy đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định và kính gửi đến các cơ quan liên quan.

Rất mong nhận được ý kiến phản hồi góp ý của các cơ quan liên quan nhằm đảm bảo công tác phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của Nhà máy ngày càng hoàn thiện.



Đính kèm công văn này các hồ sơ gồm

- 01 bản sao Quyết định về việc ban hành biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất số: 14-16-2022 do Sở Công thương phê duyệt
- 01 Cuốn kế hoạch ứng phó dự cố môi trường của nhà máy.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

TỔNG GIÁM ĐỐC



是 一

KAWASUMI KOICHI



